

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ
GIAO NHẬN VẬN TẢI
XẾP DỠ TÂN CẢNG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	13 - 38



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4103006182, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 3 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp (Nay là Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh).

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 12 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 08 tháng 3 năm 2021 do thay đổi địa chỉ Công ty.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 028 73073979
- Fax : 028 37423027

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, đường thủy nội địa;
- Dịch vụ logistics;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Đại lý vận tải đường biển;
- Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa;
- Dịch vụ khai thuê hải quan;
- Dịch vụ cho thuê kho bãi, kiểm đếm, đóng gói hàng hóa.

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Vũ Ngọc Hương	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 4 năm 2025
Ông Lê Hoàng Linh	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 04 tháng 4 năm 2025
Ông Lê Văn Cường	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 6 tháng 6 năm 2024
Ông Hoàng Đức Thịnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2021
Ông Ngô Ngọc Khánh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2022
Ông Phạm Trung Nghị	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2022

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phạm Văn Phương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2021
Ông Trần Văn Trường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 6 năm 2025
Bà Lê Thị Kim Chung	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 6 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc, Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Văn Cường	Giám đốc	Ngày 26 tháng 02 năm 2020
Ông Châu Thanh Hải	Phó Giám đốc	Ngày 08 tháng 02 năm 2021
Ông Nguyễn Văn Hòa	Phó Giám đốc	Ngày 30 tháng 11 năm 2021
Ông Ngô Ngọc Khánh	Phó Giám đốc	Ngày 19 tháng 02 năm 2024
Bà Phạm Thị Thu Hà	Kế toán trưởng	Ngày 29 tháng 11 năm 2019

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Lê Văn Cường.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Nhóm Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Nhóm Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc



Lê Văn Cường

Ngày 06 tháng 3 năm 2026

AA981
ÔNG T
I TOÁN
A8
CHI N
HÀ I
G VÔ

Số:2.0177/26/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC****CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XÉP DỠ TÂN CẢNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và Công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”), được lập ngày 06 tháng 3 năm 2026, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

5-0
/ TN
VÀ T
C
ẢNH
HỘI
- TP

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng và Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Lê Văn Khoa – Thành viên Ban Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 1794-2023-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2026

Lương Nhất Vũ - Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 6256-2023-008-1



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		728.630.184.499	663.244.375.700
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	147.247.619.843	55.519.125.648
1. Tiền	111		51.247.619.843	13.519.125.648
2. Các khoản tương đương tiền	112		96.000.000.000	42.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		236.639.591.713	145.102.279.452
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	236.639.591.713	145.102.279.452
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		327.979.323.806	444.458.326.105
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	295.811.860.079	428.124.364.646
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	8.420.051.690	2.399.837.389
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	24.744.249.780	14.846.581.813
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(996.837.743)	(912.457.743)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		13.796.628.316	13.096.217.340
1. Hàng tồn kho	141	V.6	13.796.628.316	13.096.217.340
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.967.020.821	5.068.427.155
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	2.683.928.850	3.125.709.558
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		283.091.971	1.942.717.597
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		462.429.193.869	447.392.005.771
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		9.675.300.000	17.991.300.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	9.675.300.000	17.991.300.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		228.138.718.087	247.426.512.763
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	206.558.729.815	225.303.166.653
<i>Nguyên giá</i>	222		914.106.823.409	904.665.685.355
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(707.548.093.594)	(679.362.518.702)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	21.579.988.272	22.123.346.110
<i>Nguyên giá</i>	228		28.941.911.391	28.691.911.391
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(7.361.923.119)	(6.568.565.281)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.10	29.790.216.377	3.408.141.075
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		29.790.216.377	3.408.141.075
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		163.318.795.869	146.340.870.928
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	136.839.315.869	119.861.390.928
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	26.479.480.000	26.479.480.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		31.506.163.536	32.225.181.005
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	31.506.163.536	32.225.181.005
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.191.059.378.368	1.110.636.381.471

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		477.639.279.582	459.983.241.926
I. Nợ ngắn hạn	310		399.644.419.478	422.039.915.170
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	236.702.854.657	272.139.149.586
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.238.902.070	507.226.395
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	19.137.362.327	12.301.808.364
4. Phải trả người lao động	314		40.076.675.518	34.736.612.159
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	39.388.605.979	20.400.109.725
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14a	30.058.815.985	31.149.293.587
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	1.811.700.252	32.249.712.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	31.229.502.690	18.556.003.354
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		77.994.860.104	37.943.326.756
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.14b	77.994.860.104	36.131.626.504
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15	-	1.811.700.252
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		713.420.098.786	650.653.139.545
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	713.420.098.786	650.653.139.545
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		301.584.360.000	301.584.360.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		301.584.360.000	301.584.360.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		20.712.126.338	20.712.126.338
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.512.000.000	1.512.000.000
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		242.669.433.938	198.962.141.295
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		121.355.537.070	105.466.176.752
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		33.405.258.171	105.466.176.752
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		87.950.278.899	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		25.586.641.440	22.416.335.160
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.191.059.378.368	1.110.636.381.471

Lập, ngày 06 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Nguyễn Xuân Tân

Kế toán trưởng

Phạm Thị Thu Hà

Giám đốc



Lê Văn Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.847.573.468.156	1.631.183.620.056
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.847.573.468.156	1.631.183.620.056
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.589.497.514.436	1.382.737.677.902
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		258.075.953.720	248.445.942.154
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	14.671.825.279	11.505.783.614
7. Chi phí tài chính	22		969.757.290	503.814.945
Trong đó: chi phí lãi vay	23		522.155.654	503.814.945
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2b	31.621.132.481	21.920.604.178
9. Chi phí bán hàng	25	VI.4	32.691.362.157	30.590.906.571
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	76.735.999.107	73.599.936.434
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		193.971.792.926	177.177.671.996
12. Thu nhập khác	31		254.876.259	7.215.616
13. Chi phí khác	32		83.825.153	168.826.313
14. Lợi nhuận khác	40		171.051.106	(161.610.697)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		194.142.844.032	177.016.061.299
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.12	33.938.212.820	30.788.062.496
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>160.204.631.212</u>	<u>146.227.998.803</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>156.707.173.935</u>	<u>146.060.376.424</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		<u>3.497.457.277</u>	<u>167.622.379</u>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	<u>4.366</u>	<u>4.041</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.6	<u>4.366</u>	<u>4.041</u>

Lập, ngày 06 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc






Nguyễn Xuân Tân

Phạm Thị Thu Hà

Lê Văn Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		194.142.844.032	177.016.061.299
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	VI.7	27.827.218.675	29.628.242.220
- Các khoản dự phòng	03	VI.5	84.380.000	103.708.462
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		446.370.299	(81.021)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(31.709.003.782)	(19.077.596.101)
- Chi phí lãi vay	06		522.155.654	503.814.945
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		191.313.964.878	188.174.149.804
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		137.434.737.105	(193.054.779.954)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(700.410.976)	(179.569.077)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		36.553.879.431	102.515.547.402
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.160.798.177	(2.512.579.846)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(543.153.196)	(480.930.774)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.12	(31.648.681.708)	(31.904.122.003)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.16	26.600.000	70.480.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.16	(13.345.417.248)	(23.417.259.618)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		320.252.316.463	39.210.935.934
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(46.788.301.605)	(7.388.415.498)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		207.510.101	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(121.537.312.261)	(85.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		30.000.000.000	78.697.720.548
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		13.674.822.084	11.622.898.985
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(124.443.281.681)	(2.067.795.965)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	
3. Tiền thu từ đi vay	33 V.15	-	25.000.000.000	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34 V.15	(32.249.712.000)	(7.249.712.000)	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(71.298.872.788)	(70.445.564.305)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(103.548.584.788)	(52.695.276.305)	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	92.260.449.994	(15.552.136.336)	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	55.519.125.648	71.071.180.963	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(531.955.799)	81.021	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 V.1	147.247.619.843	55.519.125.648	

Lập, ngày 06 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Nguyễn Xuân Tân

Kế toán trưởng

Phạm Thị Thu Hà

Giám đốc



Lê Văn Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, đường thủy nội địa;
- Dịch vụ logistics;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Đại lý vận tải đường biển;
- Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa;
- Dịch vụ khai thuê hải quan;
- Dịch vụ cho thuê kho bãi, kiểm đếm, đóng gói hàng hóa.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Cấu trúc Nhóm Công ty

Nhóm Công ty bao gồm Công ty mẹ và một công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ, được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty con

Công ty chỉ đầu tư vào một công ty con là Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai có trụ sở chính tại Cảng Tân Cảng Nhơn Trạch, Ấp 3, Xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là dịch vụ cảng biển.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 51%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Các Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ cảng biển	36,00%	36,00%	36,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 – Hải Phòng	Hạ Đoạn, phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ cảng biển	36,00%	36,00%	36,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đồng Sài Gòn	938/180 Nguyễn Thị Định, khu phố 3, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ cảng biển	24,39%	24,39%	24,39%

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Nhóm Công ty có 355 nhân viên (Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025: 364 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") và các Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200. Các quy định của Thông tư 99 được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong Nhóm Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Nhóm Công ty đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Nhóm Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Nhóm Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Nhóm Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Nhóm Công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Nhóm Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp-vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Nhóm Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Nhóm Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Nhóm Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức lập dự phòng căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Đối với hàng tồn kho là nguyên vật liệu (vật tư, phụ tùng phục vụ sửa chữa), giá gốc hàng tồn kho được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Hàng tồn kho của Nhóm Công ty chủ yếu là vật tư, phụ tùng phục vụ sửa chữa được bảo quản ở trạng thái bình thường. Do đó, Nhóm Công ty không cần trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước của Nhóm Công ty chủ yếu bao gồm:

Chi phí xây dựng kho bãi

Chi phí đầu tư xây dựng bãi chứa container rỗng (depot) được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê kho bãi là 05 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian không quá 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 38
Máy móc và thiết bị	3 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3
Cây lâu năm	2
Tài sản cố định khác	5 - 8

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Nhóm Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Nhóm Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất còn lại là 35 năm 9 tháng.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

002
TNNH
TUV
C
NH
TP.V

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Nhóm Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Nhóm Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Nhóm Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu Nhóm Công ty được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí Nhóm Công ty phải gánh chịu.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Nhóm Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Nhóm Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Nhóm Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	118.260.151	401.162.811
Tiền gửi ngân hàng	51.129.359.692	13.117.962.837
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	96.000.000.000	42.000.000.000
Cộng	<u>147.247.619.843</u>	<u>55.519.125.648</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng, lãi suất từ 4% - 7,7%/năm, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc	236.639.591.713	145.102.279.452

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Công, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2b. Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	54.000.000.000	39.323.299.934	54.000.000.000	31.689.142.718
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng	33.120.000.000	(1.558.065.209)	33.120.000.000	(10.505.345.487)
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đồng Sài Gòn	10.000.000.000	1.954.081.144	10.000.000.000	1.557.593.697
Cộng	97.120.000.000	39.719.315.869	97.120.000.000	22.741.390.928

Số lượng cổ phần nắm giữ và tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty tại các đơn vị như sau:

Tên Công ty	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	5.400.000	36,00%	5.400.000	36,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng	3.312.000	36,00%	3.312.000	36,00%
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đồng Sài Gòn	1.000.000	24,39%	1.000.000	24,39%

Giá trị phần sở hữu của Nhóm Công ty tại các công ty liên kết như sau:

	Số đầu năm		Phản lai trong năm		Cổ tức được chia trong năm		Số cuối năm	
	Số đầu năm	Giá gốc	Số đầu năm	Tỷ lệ sở hữu	Số đầu năm	Tỷ lệ sở hữu	Số đầu năm	Giá gốc
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	85.689.142.718		21.134.157.216		(13.500.000.000)		93.323.299.934	
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng	22.614.654.513		8.947.280.278		-		31.561.934.791	
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đồng Sài Gòn	11.557.593.697		1.539.694.987		(1.143.207.540)		11.954.081.144	
Cộng	119.861.390.928		31.621.132.481		(14.643.207.540)		136.839.315.869	

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng		
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	348.480.000	1.048.608.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành		
Cổ tức được chia	13.500.000.000	13.500.000.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	14.903.900.800	360.742.000
Sử dụng dịch vụ của Công ty liên kết	360.889.666.013	333.044.086.891
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn		
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	4.403.379.920	5.467.121.500
Mua vật tư của Công ty liên kết	13.348.323.903	17.443.153.247
Sử dụng dịch vụ của Công ty liên kết	343.155.678.517	359.849.522.132
Cổ tức được chia	1.143.207.540	824.766.240

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Ngân hàng Thương mại	14.666.980.000	118.854.820.700	14.666.980.000	77.678.053.065
Cổ phần Quân đội (*)				
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái (1.237.500 cổ phần)	11.812.500.000	37.743.750.000	11.812.500.000	44.302.500.000
Cộng	26.479.480.000	156.598.570.700	26.479.480.000	121.980.553.065

(*) Đây là khoản ủy thác đầu tư qua Công ty mẹ là Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Nhóm Công ty sở hữu 4.697.819 cổ phần của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội, tăng 1.603.076 cổ phần so với đầu năm do được chia cổ tức bằng cổ phiếu (Số đầu năm: 3.094.743 cổ phần).

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	269.062.603.969	396.032.593.166
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	249.532.539.224	387.339.185.326
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	531.081.457	1.672.431.300
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	129.870.000	460.185.166
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng- Bình Dương	-	24.844.000
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	1.524.316.240	4.428.288.200
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn	3.975.779.214	740.404.995
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	-	123.552.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	917.846.124	725.213.706
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng Hiệp Phước	271.790.640	93.980.520

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng	31.363.200	94.089.600
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	111.393.360	144.898.740
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	6.103.745.626	65.601.360
Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng	72.683.828	21.657.300
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng- Cái Mép	1.307.342.553	199.113
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	62.282.520	90.149.760
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	-	7.912.080
Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải	4.490.569.983	-
Phải thu các khách hàng khác	26.749.256.110	32.091.771.480
Cộng	295.811.860.079	428.124.364.646

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vina E&C	2.180.474.309	-
Công ty TNHH Tincons	1.448.393.400	-
Công ty TNHH Thương mại Đan Hưng	1.095.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Kỹ thuật Phúc Lâm	-	1.024.716.000
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Thương mại và Đầu tư Linh Đan	-	674.942.400
Các nhà cung cấp khác	3.696.183.981	700.178.989
Cộng	8.420.051.690	2.399.837.389

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu các bên liên quan	347.372.000	-	503.072.516	-
Các khoản chi hộ	116.372.000	-	255.752.516	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	100.228.000	-	175.106.236	-
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	16.144.000	-	30.606.280	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	-	-	50.040.000	-
Công ty Cổ phần Cát Lái Đông Sài Gòn - Đặt cọc thuê bãi	231.000.000	-	231.000.000	-
Công ty Cổ phần Cát Lái Đông Sài Gòn - Phải thu khác	-	-	16.320.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	24.396.877.780	-	14.343.509.297	-
Đặt cọc, ký cược, ký quỹ	20.939.230.000	-	4.165.000.000	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Đông Sài Gòn	4.112.000.000	-	4.112.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 14	4.916.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ và Đầu tư Thương mại Vận tải Sao Xanh ⁽¹⁾	11.869.230.000	-	-	-
Đối tượng khác	42.000.000	-	53.000.000	-
Thu chi hộ	85.380.000	-	1.188.375.780	-
Tạm ứng	702.168.887	-	4.229.270.653	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.594.664.505	-	1.684.986.301	-
Các khoản phải thu người lao động	-	-	2.629.408.167	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	75.434.388	-	446.468.396	-
Cộng	24.744.249.780	-	14.846.581.813	-

(i) Khoản đặt cọc thuê bãi tại Khu công nghiệp Cát Lái có thời hạn thuê đến ngày 31/12/2025.

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Đặt cọc sử dụng dịch vụ	330.000.000	-	330.000.000	-
Đặt cọc thuê bãi	9.345.300.000	-	17.661.300.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 14	-	-	8.316.000.000	-
Công ty TNHH Tincons ⁽ⁱ⁾	6.345.300.000	-	6.345.300.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vận tải Quang Minh ⁽ⁱⁱ⁾	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
Cộng	9.675.300.000	-	17.991.300.000	-

(i) Khoản đặt cọc thuê mặt bằng và cơ sở hạ tầng tại phường Dĩ An, thành phố Hồ Chí Minh, có thời hạn thuê đến ngày 12 tháng 02 năm 2029.

(ii) Khoản đặt cọc thuê mặt bằng tại Khu công nghiệp Cát Lái có thời hạn thuê từ ngày 01 tháng 11 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2028.

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vật tư, phụ tùng phục vụ sửa chữa	13.796.628.316	13.096.217.340

7. Chi phí trả trước**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí quân trang, đồng phục, bảo hộ lao động	1.511.245.453	614.989.800
Chi phí bảo hiểm	780.198.956	818.988.396
Phí sử dụng đường bộ	142.423.154	173.845.769
Chi phí công cụ, dụng cụ	216.044.350	1.440.501.719
Các chi phí khác	34.016.937	77.383.874
Cộng	2.683.928.850	3.125.709.558

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	414.754.875	639.049.736
Chi phí sửa chữa, thay mới đệm, cầu Bến đống gạo	5.494.256.985	6.598.097.448
Chi phí sửa chữa, thi công tại Tân Cảng Nhơn Trạch	13.287.513.093	14.863.582.113
Chi phí sửa chữa máy móc thiết bị	6.312.980.862	4.093.823.231
Chi phí sửa chữa, thi công khác	5.983.427.721	6.030.628.477
Các chi phí khác	13.230.000	-
Cộng	31.506.163.536	32.225.181.005

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	Tài sản cố định khác	Cộng
<i>Nguyên giá</i>							
Số đầu năm	276.465.973.529	554.296.185.447	59.188.649.459	2.790.058.413	80.000.000	11.844.818.507	904.665.685.355
Mua trong năm	-	8.694.019.445	637.639.394	312.756.488	-	357.000.000	10.001.415.327
Thanh lý, nhượng bán	(316.277.273)	-	-	-	-	(244.000.000)	(560.277.273)
Số cuối năm	276.149.696.256	562.990.204.892	59.826.288.853	3.102.814.901	80.000.000	11.957.818.507	914.106.823.409
<i>Trong đó:</i>							
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	15.097.748.663	210.005.478.319	38.119.975.830	2.497.912.873	80.000.000	857.582.902	266.658.698.587
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-	-
<i>Giá trị hao mòn</i>							
Số đầu năm	129.272.385.527	489.659.941.406	53.492.804.049	2.547.431.791	80.000.000	4.309.955.929	679.362.518.702
Khấu hao trong năm	11.347.569.554	11.452.961.474	3.534.300.063	113.754.381	-	2.236.335.145	28.684.920.617
Thanh lý, nhượng bán	(255.345.725)	-	-	-	-	(244.000.000)	(499.345.725)
Số cuối năm	140.364.609.356	501.112.902.880	57.027.104.112	2.661.186.172	80.000.000	6.302.291.074	707.548.093.594
<i>Giá trị còn lại</i>							
Số đầu năm	147.193.588.002	64.636.244.041	5.695.845.410	242.626.622	-	7.534.862.578	225.303.166.653
Số cuối năm	135.785.086.900	61.877.302.012	2.799.184.741	441.628.729	-	5.655.527.433	206.558.729.815
<i>Trong đó:</i>							
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo số sách là 66.084.091.010 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**9. Tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất (*)</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
<i>Nguyên giá</i>			
Số đầu năm	27.991.682.391	700.229.000	28.691.911.391
Mua trong năm	-	250.000.000	250.000.000
Số cuối năm	27.991.682.391	950.229.000	28.941.911.391
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	580.229.000	580.229.000
<i>Giá trị hao mòn</i>			
Số đầu năm	5.939.411.555	629.153.726	6.568.565.281
Khấu hao trong năm	705.672.660	87.685.178	793.357.838
Số cuối năm	6.645.084.215	716.838.904	7.361.923.119
<i>Giá trị còn lại</i>			
Số đầu năm	22.052.270.836	71.075.274	22.123.346.110
Số cuối năm	21.346.598.176	233.390.096	21.579.988.272
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

(*) Là quyền sử dụng đất tại phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh nhận chuyển nhượng từ Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 2; thời hạn sử dụng đến ngày 30 tháng 8 năm 2055; đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí/chi phí trả trước</u>	<u>Số cuối năm</u>
<i>Mua sắm tài sản cố định</i>	319.315.741	4.082.460.192	(4.113.775.933)	(288.000.000)	-
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	3.088.825.334	31.365.451.624	-	(4.664.060.581)	29.790.216.377
Di dời kho xăng dầu vùng 2	1.895.623.479	-	-	-	1.895.623.479
Xây dựng kho hàng tại ICD Tân Cảng Nhơn Trạch (*)	366.460.121	25.201.692.156	-	-	25.568.152.277
Sửa chữa kè bảo vệ bến sà lan Tân Cảng Nhơn Trạch	-	4.090.723.497	-	(4.090.723.497)	-
Các hạng mục khác	826.741.734	2.073.035.971	-	(573.337.084)	2.326.440.621
Cộng	3.408.141.075	35.447.911.816	(4.113.775.933)	(4.952.060.581)	29.790.216.377

(*) Dự án đầu tư xây dựng kho hàng tại ICD Tân Cảng Nhơn Trạch (khu 15ha) có tổng mức đầu tư 41.629.655.828 VND, dự kiến hoàn thành trong quý II/2026.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>187.869.748.264</i>	<i>204.276.750.764</i>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	204.275.000	-
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	155.567.930	50.447.070
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	110.747.520	148.758.120
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	6.037.045.855	10.055.503.043
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	116.084.289.194	140.422.506.082
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	2.102.131.612	491.656.091
Công ty TNHH Phát triển nguồn nhân lực Tân Cảng - STC	170.745.400	42.920.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	-	28.169.856
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	29.088.484.694	19.947.820.777
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	25.957.800	15.874.920
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương	-	22.696.000
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	64.508.130	27.434.970
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn	33.781.328.129	32.987.606.835
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	43.217.000	35.357.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng HMM	1.450.000	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>48.833.106.393</i>	<i>67.862.398.822</i>
Cộng	236.702.854.657	272.139.149.586

Nhóm Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	216.881.923	20.299.591.867	(14.277.029.094)	6.239.444.696
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.368.490.112	33.938.212.820	(31.648.681.708)	12.658.021.224
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp hộ bên hợp tác kinh doanh	1.277.903.490	-	(1.277.903.490)	-
Thuế thu nhập cá nhân	438.532.839	8.009.897.402	(8.208.533.834)	239.896.407
Các loại thuế khác	-	91.551.881	(91.551.881)	-
Cộng	12.301.808.364	62.339.253.970	(55.503.700.007)	19.137.362.327

Thuế giá trị gia tăng

Công ty và công ty con nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho tiền bán nước là 5%, dịch vụ khác là 8% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty và công ty con phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty và công ty con được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty và công ty con kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**13. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	10.402.735.915	14.837.217.982
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	10.402.735.915	5.414.784.322
<i>Chi phí thuê đất, cơ sở hạ tầng</i>	8.807.365.009	3.372.386.322
<i>Chi phí thuê phương tiện, xếp dỡ, nâng hạ</i>	1.595.370.906	2.042.398.000
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn	-	157.000.000
- Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng	-	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	-	9.265.433.660
- Chi phí vận chuyển, xếp dỡ, lưu bãi	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	28.985.870.064	5.562.891.743
Chi phí vận chuyển, xếp dỡ	24.538.262.808	2.269.994.996
Chi phí thuê xe đầu kéo	4.445.720.627	-
Chi phí lưu bãi	-	3.243.083.758
Chi phí lãi vay	1.886.629	22.884.171
Các chi phí khác	-	26.928.818
Cộng	<u>39.388.605.979</u>	<u>20.400.109.725</u>

14. Phải trả khác**14a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	7.512.631.243	16.460.710.372
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	-	10.598.617.337
- <i>Vốn góp hợp tác kinh doanh</i>	-	6.000.000.000
- <i>Phải trả lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh</i>	-	4.598.617.337
Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng – Phải trả lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh ⁽¹⁾	7.512.631.243	5.841.093.035
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Phải trả về thu, chi hộ	-	21.000.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	22.546.184.742	14.688.583.215
Kinh phí công đoàn	866.260.900	460.315.544
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	910.211.652	807.034.261
Cổ tức phải trả	6.343.778.455	6.349.573.989
Nhận đặt cọc, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.251.806.100	100.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Tiếp vận Union One - Phải trả lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh ⁽¹⁾	2.299.656.040	2.299.656.040
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Đầu tư Sen Vàng - Phải trả lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh ⁽¹⁾	1.114.358.845	-
Phải trả về thu hộ tiền cược container	6.220.797.269	2.391.772.510
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.539.315.481	2.280.230.871
Cộng	<u>30.058.815.985</u>	<u>31.149.293.587</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	20.813.210.000	20.813.210.000
Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng - Vốn góp hợp tác kinh doanh ⁽ⁱ⁾	18.750.000.000	18.750.000.000
Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng - Đặt cọc tiền thuê văn phòng	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng - Đặt cọc tiền thuê văn phòng	63.210.000	63.210.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	57.244.860.104	15.318.416.504
Vốn góp hợp tác kinh doanh	14.600.000.000	12.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Tiếp vận Union One ⁽ⁱ⁾	-	12.500.000.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Đầu tư Sen Vàng ⁽ⁱ⁾	12.500.000.000	-
Công ty TNHH BSL International ⁽ⁱⁱ⁾	500.000.000	-
Ông Nguyễn Hoàng Cương ⁽ⁱⁱ⁾	1.600.000.000	-
Nhận đặt cọc, ký quỹ, ký cược dài hạn	42.644.860.104	2.818.416.504
Best Trading and Investment Pte. Ltd ⁽ⁱⁱⁱ⁾	41.045.249.700	-
Các đối tượng khác	1.599.610.404	2.818.416.504
Cộng	77.994.860.104	36.131.626.504

Thông tin bổ sung về các hợp đồng hợp tác kinh doanh:

- (i) Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 612/2015/TCL-HT-TT ngày 26 tháng 10 năm 2015 và Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ngày 10 tháng 01 năm 2017 về việc hợp tác kinh doanh để thực hiện dự án “nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư xây dựng, khai thác tòa nhà văn phòng làm việc” tại phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh, 3 bên tham gia gồm: Công ty góp 50%; Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng góp 30% và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Tiếp vận Union One (nhận chuyển nhượng từ Công ty TNHH MTV Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Thủ Thiêm) góp 20% tổng vốn đầu tư của dự án. Ngày 20 tháng 12 năm 2024, Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Tiếp vận Union One đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Đầu tư Sen Vàng. Công ty là bên đại diện cho hợp doanh, thời hạn của hợp đồng là 50 năm.
- (ii) Theo Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 1812/HĐHTKD-TCĐN_BSL_NHC ngày 18 tháng 12 năm 2025, các bên tham gia gồm: Công ty Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai, Công ty TNHH BSL International và Ông Nguyễn Hoàng Cương. Các bên cùng nhau góp vốn để thực hiện dự án khai thác kho tại ICD Tân Cảng Nhơn Trạch với hình thức cho thuê diện tích lưu giữ hàng hóa và thực hiện các dịch vụ logistics theo chức năng ngành nghề đúng quy định của pháp luật. Hợp đồng này có thời hạn 10 năm kể từ ngày ký Hợp đồng. Doanh thu, chi phí của hợp doanh sẽ được các bên thống nhất bằng Phụ lục đính kèm. Hình thức góp và tỷ lệ góp vốn như sau:
- Công ty Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai: 3.600.000.000 VND, tương đương 36% tổng vốn góp.
 - Công ty TNHH BSL International: 1.500.000.000 VND, tương đương 15% tổng vốn góp.
 - Ông Nguyễn Hoàng Cương: 4.900.000.000 VND, tương đương 49% tổng vốn góp.
- (iii) Khoản nhận đặt cọc cho thuê kho lạnh tại Cảng Tân Cảng Nhơn Trạch, thời hạn cho thuê 20 năm kể từ thời điểm bàn giao. Đến thời điểm hiện tại, kho đang trong quá trình đầu tư, xây dựng chưa bàn giao cho thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**14c. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

Nhóm Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

15. Vay

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Á Châu - Hội sở - Vay ngắn hạn	-	25.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn - Vay dài hạn đến hạn trả (*)	1.811.700.252	7.249.712.000
Cộng	1.811.700.252	32.249.712.000

Nhóm Công ty có khả năng trả được các khoản vay.

- (*) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng ngày 24 tháng 01 năm 2018, để đầu tư dự án "Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và Đầu tư xây dựng khai thác tòa nhà làm việc" tại lô 11, Khu dân cư số 1, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh. Tổng số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng là 62.500.000.000 VND, trong vòng 18 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Các khoản vay phải hoàn trả theo 28 lần hoàn trả bằng nhau vào mỗi quý, bắt đầu vào tháng thứ 15 kể từ ngày rút vốn lần đầu. Lãi suất thả nổi, được xác định thời điểm giải ngân (lãi suất năm 2025 là 7 - 8%/năm). Tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất và công trình trên đất hình thành từ vốn vay.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay trong năm như sau:

	<u>Vay ngắn hạn ngân hàng</u>	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Vay dài hạn</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	25.000.000.000	7.249.712.000	1.811.700.252	34.061.412.252
Số tiền vay phát sinh	-	-	-	-
Kết chuyển vay dài hạn đến hạn trả	-	1.811.700.252	(1.811.700.252)	-
Số tiền vay đã trả	(25.000.000.000)	(7.249.712.000)	-	(32.249.712.000)
Số cuối năm	-	1.811.700.252	-	1.811.700.252

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Quỹ khen thưởng</u>	<u>Quỹ phúc lợi</u>	<u>Quỹ thưởng Ban điều hành</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	9.799.165.892	8.756.837.462	-	18.556.003.354
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	12.790.695.513	12.433.779.744	767.841.328	25.992.316.585
Tăng do Công ty mẹ cấp	26.600.000	-	-	26.600.000
Chi quỹ trong năm	(4.487.300.000)	(8.090.275.920)	(767.841.328)	(13.345.417.248)
Giảm khác	(1)	-	-	(1)
Số cuối năm	18.129.161.404	13.100.341.286	-	31.229.502.690

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Vốn chủ sở hữu

17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Năm 2024							
Số dư đầu năm	301.584.360.000	20.712.126.338	1.512.000.000	158.032.370.821	94.553.109.542	22.467.128.404	598.861.095.105
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	146.060.376.424	167.622.379	146.227.998.803
Chia cổ tức	-	-	-	-	(70.160.060.957)	(210.034.504)	(70.370.095.461)
Trích bổ sung các quỹ từ lợi nhuận năm 2023	-	-	-	-	(647.589.368)	-	(647.589.368)
Tạm trích các quỹ từ lợi nhuận năm 2024	-	-	-	40.912.320.960	(64.313.484.618)	-	(23.401.163.658)
Trích lập các quỹ tại công ty con	-	-	-	17.449.514	(26.174.271)	(8.381.119)	(17.105.876)
Số dư cuối năm	301.584.360.000	20.712.126.338	1.512.000.000	198.962.141.295	105.466.176.752	22.416.335.160	650.653.139.545

Năm 2025

Số dư đầu năm	301.584.360.000	20.712.126.338	1.512.000.000	198.962.141.295	105.466.176.752	22.416.335.160	650.653.139.545
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	156.707.173.935	3.497.457.277	160.204.631.212
Chia cổ tức	-	-	-	-	(71.293.077.254)	(152.278.133)	(71.445.355.387)
Trích bổ sung các quỹ từ lợi nhuận năm 2024	-	-	-	-	(767.841.327)	-	(767.841.327)
Tạm trích các quỹ từ lợi nhuận năm 2025	-	-	-	43.343.206.833	(68.210.766.321)	-	(24.867.559.488)
Trích lập các quỹ tại công ty con	-	-	-	364.085.810	(546.128.715)	(174.872.864)	(356.915.769)
Số dư cuối năm	301.584.360.000	20.712.126.338	1.512.000.000	242.669.433.938	121.355.537.070	25.586.641.440	713.420.098.786

17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	153.812.730.000	153.812.730.000
Các cổ đông khác	147.771.630.000	147.771.630.000
Cộng	301.584.360.000	301.584.360.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**17c. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	30.158.436	30.158.436
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	30.158.436	30.158.436
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	30.158.436	30.158.436

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

17d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Nhóm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 như sau:

	<u>Công ty mẹ</u>	<u>Công ty con</u>
Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024		
✓ Chia cổ tức cho các cổ đông	71.293.077.254	310.799.890
✓ Trích lập Quỹ thưởng Ban điều hành	767.841.328	-
✓ Giảm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1)	-
Tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025		
✓ Trích Quỹ đầu tư phát triển	43.343.206.833	713.831.538
✓ Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	24.867.559.488	356.915.769

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 1.536.702,88 USD (Số đầu năm: 65,34 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu dịch vụ vận tải, xếp dỡ	355.091.366.039	296.386.123.479
Doanh thu dịch vụ Depot	1.427.767.889.964	1.264.271.175.532
Doanh thu dịch vụ khác	64.714.212.153	70.526.321.045
Cộng	1.847.573.468.156	1.631.183.620.056

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Nhóm Công ty còn phát sinh các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	803.327.907.540	814.562.433.109
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	3.242.920.262	3.506.759.677
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	9.510.223.184	8.008.127.887
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	1.611.796.312	1.908.271.778

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	763.296.500	705.011.723
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ thông tin Tân Cảng	307.352.500	526.662.500
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	214.731.000	250.535.600
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng - Hiệp Phước	1.524.075.000	3.317.111.704
Công ty TNHH Cảng quốc tế Tân Cảng - Cái Mép	1.176.670.000	54.581.091
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	1.748.921.186	1.065.728.151
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	-	9.630.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	-	114.400.000
Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng	5.315.920.065	5.309.995.446
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	23.415.074	29.489.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Bình Dương	20.327.778	2.564.978.519
Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng- Cái Mép Thị Vải	17.589.157.256	-

2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn dịch vụ cung cấp trong năm.

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	10.212.689.088	6.716.886.663
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	87.324.991	23.944.430
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.371.811.200	4.764.871.500
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	81.021
Cộng	<u>14.671.825.279</u>	<u>11.505.783.614</u>

4. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí hoa hồng dịch vụ	27.376.849.376	24.134.310.883
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.237.656.050	3.616.642.388
Các chi phí khác	2.076.856.731	2.839.953.300
Cộng	<u>32.691.362.157</u>	<u>30.590.906.571</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	42.570.251.099	40.702.590.278
Chi phí vật liệu quản lý	69.134.417	74.346.597
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.242.145.629	878.880.068
Chi phí khấu hao tài sản cố định	722.757.858	745.709.423
Thuế, phí và lệ phí	830.657.951	413.071.027
Dự phòng phải thu khó đòi	84.380.000	103.708.462
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.371.255.529	8.628.565.951
Các chi phí khác	21.845.416.624	22.053.064.628
Cộng	<u>76.735.999.107</u>	<u>73.599.936.434</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Lãi trên cổ phiếu

6a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	156.707.173.935	146.060.376.424
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành tại Công ty mẹ	(24.867.559.488)	(24.169.004.985)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành tại Công ty con	(182.042.905)	(8.724.757)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	131.657.571.542	121.882.646.682
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	30.158.436	30.158.436
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	4.366	4.041

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại, giảm từ 4.067 VND xuống còn 4.041 VND, do xác định lại số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Để phục vụ mục đích trình bày chi tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay, quỹ khen thưởng, phúc lợi được tạm tính theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2025.

6b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	56.028.166.090	63.189.468.949
Chi phí nhân công	131.103.017.519	126.375.904.359
Chi phí khấu hao tài sản cố định (*)	27.827.218.675	29.628.242.220
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.446.044.340.989	1.232.674.954.969
Chi phí khác	37.922.132.427	35.059.950.410
Cộng	1.698.924.875.700	1.486.928.520.907
(*) Tổng chi phí khấu hao đã trích trong năm (thuyết minh V.8, V.9)	29.478.278.455	31.082.480.064
Khấu hao phân chia cho các bên hợp tác kinh doanh	(1.651.059.780)	(1.454.237.844)
Chi phí khấu hao của Nhóm Công ty	27.827.218.675	29.628.242.220

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các cam kết thuê hoạt động

Nhóm Công ty là bên đi thuê

Bên cho thuê

Công ty Cổ phần Dầu tư Xây dựng Vận tải Quang Minh

Công ty TNHH Tincons

Địa điểm

16.069,2 m² tại Khu công nghiệp Cát Lái

39.048 m² tại phường Dĩ An, thành phố Hồ Chí Minh

Thời hạn

Từ 01 tháng 11 năm 2023 đến 31 tháng 12 năm 2028

Từ 05 tháng 9 năm 2023 đến ngày 12 tháng 02 năm 2029

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	32.832.091.542	49.064.725.466
Trên 1 năm đến 5 năm	76.551.008.686	93.436.306.136
Trên 5 năm	-	-
Cộng	109.383.100.228	142.501.031.602

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Nhóm Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Nhóm Công ty không phát sinh giao dịch và không có số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		Tiền lương, phụ cấp	Thưởng Ban điều hành	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay					
Ông Vũ Ngọc Hương	Chủ tịch HĐQT (từ 04/04/2025)	547.835.852	-	-	547.835.852
Ông Lê Hoàng Linh	Chủ tịch HĐQT (đến 04/04/2025)	1.017.740.898	105.389.986	-	1.123.130.885
Ông Lê Văn Cường	Thành viên HĐQT /Giám đốc	1.362.312.746	99.367.701	60.000.000	1.521.680.448
Ông Hoàng Đức Thịnh	Thành viên HĐQT	-	60.222.849	60.000.000	120.222.849
Ông Phạm Trung Nghị	Thành viên HĐQT	-	60.222.849	60.000.000	120.222.849
Ông Ngô Ngọc Khánh	Thành viên HĐQT /Phó Giám đốc	863.076.290	60.222.849	60.000.000	983.299.139
Ông Phạm Văn Phương	Trưởng BKS	-	60.222.849	60.000.000	120.222.849
Ông Trần Văn Trường	Thành viên BKS	583.483.836	48.178.279	30.000.000	661.662.115
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên BKS (từ 17/6/2025)	-	-	15.000.000	15.000.000
Bà Lê Thị Kim Chung	Thành viên BKS (đến 17/6/2025)	-	48.178.279	15.000.000	63.178.279
Ông Châu Thanh Hải	Phó Giám đốc	1.373.350.377	60.222.849	-	1.433.573.227
Ông Nguyễn Văn Hòa	Phó Giám đốc	857.085.931	60.222.849	-	917.308.780
Bà Phạm Thị Thu Hà	Kế toán trưởng	795.421.368	60.222.849	-	855.644.218
Cộng		7.400.307.299	722.674.191	360.000.000	8.482.981.490
Năm trước					
Ông Lê Hoàng Linh	Chủ tịch HĐQT	1.362.950.615	87.175.492	18.000.000	1.468.126.107
Ông Lê Văn Cường	Thành viên HĐQT /Giám đốc	1.290.853.186	82.194.035	60.000.000	1.433.047.221
Ông Hoàng Đức Thịnh	Thành viên HĐQT	-	49.814.567	60.000.000	109.814.567

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

		Tiền lương, phụ cấp	Thưởng Ban điều hành	Thù lao	Cộng thu nhập
Ông Phạm Trung Nghị	Thành viên HĐQT	-	49.814.567	60.000.000	109.814.567
Ông Ngô Ngọc Khánh	Thành viên HĐQT / Phó Giám đốc	420.276.773	49.814.567	60.000.000	530.091.340
Ông Phạm Văn Phương	Trưởng BKS	-	49.814.567	60.000.000	109.814.567
Ông Trần Văn Trường	Thành viên BKS	605.790.504	39.851.653	30.000.000	675.642.157
Bà Lê Thị Kim Chung	Thành viên BKS	-	39.851.653	30.000.000	69.851.653
Ông Đặng Thanh Sơn	Phó Giám đốc	825.746.821	49.814.567	23.096.774	898.658.162
Ông Châu Thanh Hải	Phó Giám đốc	1.254.860.269	49.814.567	18.000.000	1.322.674.836
Ông Nguyễn Văn Hòa	Phó Giám đốc	842.590.269	49.814.567	-	892.404.836
Bà Phạm Thị Thu Hà	Kế toán trưởng	749.254.932	49.814.567	38.400.000	837.469.499
Cộng		7.352.323.370	647.589.369	457.496.774	8.457.409.513

2b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác có phát sinh giao dịch với Nhóm Công ty trong năm gồm:

Bên liên quan khác

Mối quan hệ

Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn (“SNP”)	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn SNP
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Sóng Thần	Công ty cùng Tập đoàn SNP
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn SNP
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	Công ty cùng Tập đoàn SNP
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn SNP
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn SNP
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn SNP
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn SNP
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn SNP
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng Hiệp Phước	Công ty cùng Tập đoàn SNP
Công ty TNHH Phát triển nguồn nhân lực Tân Cảng - STC	Công ty cùng Tập đoàn SNP
Công ty Cổ phần Tân Cảng Phú Hữu	Công ty cùng Tập đoàn SNP
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	Công ty cùng Tập đoàn SNP
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	Công ty cùng Tập đoàn SNP
Công ty TNHH Tiếp vận SITC Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn SNP
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn SNP
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Tây Ninh	Công ty cùng Tập đoàn SNP
Công ty TNHH Tiếp vận Tân Cảng HMM	Công ty cùng Tập đoàn SNP
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn SNP
Công ty TNHH Dịch vụ Kho bãi Tân Cảng Shipping	Công ty cùng Tập đoàn SNP
Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn SNP

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Nhóm Công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan khác như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
Sử dụng dịch vụ của công ty mẹ	24.967.047.262	14.795.073.951
Chia cổ tức cho công ty mẹ	36.360.581.970	35.782.725.977
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái		
Cổ tức được chia	3.304.125.000	3.217.500.000
Sử dụng dịch vụ của các bên liên quan khác:		
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	506.188.180	264.627.000
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	915.894.000	3.841.429.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	42.781.971.216	53.474.467.440
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	4.025.415.103	139.580.000
Công ty TNHH Phát triển nguồn nhân lực Tân Cảng - STC	459.127.556	341.434.049
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng HMM	60.787.038	31.870.365
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương	-	128.264.815
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Tây Ninh	-	148.605.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	212.622.000	229.156.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước	59.294.400	138.848.600
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	653.568.518	443.731.750
Công ty TNHH Dịch vụ Kho bãi Tân Cảng Shipping	-	861.111
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	51.020.167.675	37.452.132.109
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	103.506.300	100.395.500
Công ty Cổ phần Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	536.145.779	568.209.332

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5a, V.11, V.13 và V.14.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

3. Thông tin về bộ phận

Nhóm Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ vận tải, giao nhận, xếp dỡ, thực hiện trên địa bàn khu vực Đồng Nai, trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Nhóm Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 06 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Xuân Tân

Phạm Thị Thu Hà

Lê Văn Cường

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS
FOR THE FISCAL YEAR ENDED 31 DECEMBER 2025

TAN CANG
LOGISTICS AND STEVEDORING
JOINT STOCK COMPANY

CONTENTS

	Page
1. Contents	1
2. Statement of the Board of Management	2 - 3
3. Independent Auditor's Report	4 - 5
4. Consolidated Balance Sheet as at 31 December 2025	6 - 9
5. Consolidated Income Statement for the fiscal year ended 31 December 2025	10
6. Consolidated Cash Flow Statement for the fiscal year ended 31 December 2025	11 - 12
7. Notes to the Consolidated Financial Statements for the fiscal year ended 31 December 2025	13 - 38



STATEMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT

The Board of Management of Tan Cang Logistics and Stevedoring Joint Stock Company (hereinafter referred to as “the Company”) presents this statement together with the Consolidated Financial Statements for the fiscal year ended 31 December 2025 including the Financial Statements of the Company and its subsidiary (hereinafter collectively referred to as “the Group”).

Business highlights

Tan Cang Logistics and Stevedoring Joint Stock Company is a joint stock company operating in accordance with the 1st Business Registration Certificate No. 4103006182 dated 08 March 2007 granted by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City (now Department of Finance of Ho Chi Minh City)

During its operations, the Company has been additionally 12 times granted by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City with the amended Business Registration Certificates. In which, the 12th amended Business Registration Certificate dated 08 March 2021 was due to the change in the Company's address.

Head office

- Address : No. 470 Dong Van Cong Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City
- Tel. : 028 73073979
- Fax : 028 37423027

The principal business activities of the Company include:

- Trading freight transport by car, inland waterway;
- Services of logistics;
- Services of import and export freight forwarding;
- Sea freight agent;
- Services of loading and unloading goods;
- Services of customs clearance; and
- Services of leasing warehouses, yards, tally and packaging goods.

Board of Directors, Board of Supervisors and Executive Officers

The members of the Board of Directors, the Board of Supervisors, the Board of Management and the Chief Accountant of the Company during the year and as of the date of this statement include:

Board of Directors

<u>Full name</u>	<u>Position</u>	<u>Appointing date/re-appointing date</u>
Mr. Vu Ngoc Huong	Chairman	Appointed on 04 April 2025
Mr. Le Hoang Linh	Chairman	Resigned on 04 April 2025
Mr. Le Van Cuong	Member	Re-appointed on 06 June 2024
Mr. Hoang Duc Thinh	Member	Appointed on 15 June 2021
Mr. Ngo Ngoc Khanh	Member	Appointed on 16 June 2022
Mr. Pham Trung Nghi	Independent Member	Appointed on 16 June 2022

Board of Supervisors (“BOS”)

<u>Full name</u>	<u>Position</u>	<u>Appointing date/resigning date</u>
Mr. Pham Van Phuong	Head of BOS	Appointed on 15 June 2021
Mr. Tran Van Truong	Member	Appointed on 16 June 2022
Ms. Nguyen Thi Huyen	Member	Appointed on 17 June 2025
Ms. Le Thi Kim Chung	Member	Resigned on 17 June 2025

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY
STATEMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT (cont.)

Board of Management and Chief Accountant

Full name	Position	Appointing date
Mr. Le Van Cuong	Director	26 February 2020
Mr. Chau Thanh Hai	Deputy Director	08 February 2021
Mr. Nguyen Van Hoa	Deputy Director	30 November 2021
Mr. Ngo Ngoc Khanh	Deputy Director	19 February 2024
Ms. Pham Thi Thu Ha	Chief Accountant	29 November 2019

Legal representative

The legal representative of the Company during the year and as of the date of this statement is Mr. Le Van Cuong.

Auditor

A&C Auditing and Consulting Co., Ltd. has been appointed to perform the audit on the Consolidated Financial Statements for the fiscal year ended 31 December 2025 of the Group.

Responsibilities of the Board of Management

The Board of Management is responsible for the preparation of the Consolidated Financial Statements to give a true and fair view on the consolidated financial position, the consolidated financial performance and the consolidated cash flows of the Group during the year. In order to prepare these Consolidated Financial Statements, the Board of Management must:

- Select appropriate accounting policies and apply them consistently;
- Make judgments and estimates reasonably and prudently;
- State clearly whether the accounting standards applied to the Group are followed or not, and all the material differences from these standards are disclosed and explained in the Consolidated Financial Statements;
- Prepare the Consolidated Financial Statements of the Group on the going-concern basis, except for the cases that the going-concern assumption is considered inappropriate; and
- Design and implement effectively the internal control system to minimize the risks of material misstatements due to frauds or errors in the preparation and presentation of the Consolidated Financial Statements.

The Board of Management hereby ensures that all the proper accounting books of the Group have been fully recorded and can fairly reflect the financial position of the Group at any time, and that all the accounting books have been prepared in compliance with the applicable Accounting System. The Board of Management is also responsible for managing the Group's assets and consequently has taken appropriate measures to prevent and detect frauds and other irregularities.

The Board of Management hereby commits to compliance with the aforementioned requirements in preparation of the Consolidated Financial Statements.

Approval on the Consolidated Financial Statements

The Board of Management hereby approves the accompanying Consolidated Financial Statements, which give a true and fair view of the consolidated financial position as at 31 December 2025, the consolidated financial performance and the consolidated cash flows for the fiscal year then ended of the Group in conformity with the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and relevant statutory requirements on the preparation and presentation of Consolidated Financial Statements.

For and on behalf of the Board of Management,

Director



Le Van Cuong

6 March 2026

5981
NG T
TOÁN
A&
CHI N
HÀ
/G V

No. 2.0177/26/TC-AC

INDEPENDENT AUDITOR'S REPORT

THE SHAREHOLDERS, THE BOARD OF DIRECTORS AND THE BOARD OF MANAGEMENT TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

We have audited the accompanying Consolidated Financial Statements of Tan Cang Logistics and Stevedoring Joint Stock Company (hereinafter referred to as "the Company") and its subsidiary (hereinafter collectively referred to as "the Group"), which were prepared on 6 March 2026, from page 06 to page 38, including the Consolidated Balance Sheet as at 31 December 2025, the Consolidated Income Statement, the Consolidated Cash Flow Statement for the fiscal year then ended and the Notes to the Consolidated Financial Statements.

Responsibility of the Board of Management

The Company's Board of Management is responsible for the preparation, true and fair presentation of the Group's Consolidated Financial Statements in accordance with the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and relevant statutory requirements on the preparation and presentation of Consolidated Financial Statements; and responsible for the internal control as the Board of Management determines necessary to enable the preparation and presentation of the Consolidated Financial Statements to be free from material misstatement due to fraud or error.

Responsibility of Auditors

Our responsibility is to express an opinion on the Consolidated Financial Statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with the Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical standards and requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the Group's Consolidated Financial Statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the Consolidated Financial Statements. The procedures selected depend on the auditor's judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the Consolidated Financial Statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditor considers internal control relevant to the Group's preparation and true and fair presentation of the Consolidated Financial Statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Group's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by the Board of Management, as well as evaluating the overall presentation of the Consolidated Financial Statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.



Opinion of Auditors

In our opinion, the Consolidated Financial Statements give a true and fair view, in all material respects, of the consolidated financial position as at 31 December 2025 of Tan Cang Logistics and Stevedoring Joint Stock Company and its subsidiary, its consolidated financial performance and its consolidated cash flows for the fiscal year then ended in conformity with the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and relevant statutory requirements on the preparation and presentation of Consolidated Financial Statements.

Other matter

The Auditor's Report on the Group's Consolidated Financial Statements for the fiscal year ended 31 December 2025 has been prepared in both Vietnamese and English. In the event of any discrepancy between the two versions, the Vietnamese version shall prevail.

For and on behalf of

A&C Auditing and Consulting Co., Ltd.

Hanoi Branch



Le Van Khoa – Partner

Audit Practice Registration Certificate:

No. 1794-2023-008-1

Authorized Signatory

Hanoi, 6 March 2026

Luong Nhat Vu - Auditor

Audit Practice Registration Certificate:

No. 6256-2023-008-1



TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2025

CONSOLIDATED BALANCE SHEET

As at 31 December 2025

Unit: VND

ASSETS	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
A - CURRENT ASSETS	100		728,630,184,499	663,244,375,700
I. Cash and cash equivalents	110	V.1	147,247,619,843	55,519,125,648
1. Cash	111		51,247,619,843	13,519,125,648
2. Cash equivalents	112		96,000,000,000	42,000,000,000
II. Short-term financial investments	120		236,639,591,713	145,102,279,452
1. Trading securities	121		-	-
2. Provisions for diminution in value of trading securities	122		-	-
3. Held-to-maturity investments	123	V.2a	236,639,591,713	145,102,279,452
III. Short-term receivables	130		327,979,323,806	444,458,326,105
1. Short-term trade receivables	131	V.3	295,811,860,079	428,124,364,646
2. Short-term prepayments to suppliers	132	V.4	8,420,051,690	2,399,837,389
3. Short-term inter-company receivables	133		-	-
4. Receivables based on the progress of construction contracts	134		-	-
5. Receivables for short-term loans	135		-	-
6. Other short-term receivables	136	V.5a	24,744,249,780	14,846,581,813
7. Allowance for short-term doubtful debts	137		(996,837,743)	(912,457,743)
8. Shortage of assets awaiting resolution	139		-	-
IV. Inventories	140		13,796,628,316	13,096,217,340
1. Inventories	141	V.6	13,796,628,316	13,096,217,340
2. Allowance for devaluation of inventories	149		-	-
V. Other current assets	150		2,967,020,821	5,068,427,155
1. Short-term prepaid expenses	151	V.7a	2,683,928,850	3,125,709,558
2. Deductible VAT	152		283,091,971	1,942,717,597
3. Taxes and other receivables from the State	153		-	-
4. Trading Government bonds	154		-	-
5. Other current assets	155		-	-

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2025

Consolidated Balance Sheet (cont.)

ASSETS	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
B - NON-CURRENT ASSETS	200		462,429,193,869	447,392,005,771
I. Long-term receivables	210		9,675,300,000	17,991,300,000
1. Long-term trade receivables	211		-	-
2. Long-term prepayments to suppliers	212		-	-
3. Working capital in affiliates	213		-	-
4. Long-term inter-company receivables	214		-	-
5. Receivables for long-term loans	215		-	-
6. Other long-term receivables	216	V.5b	9,675,300,000	17,991,300,000
7. Allowance for long-term doubtful debts	219		-	-
II. Fixed assets	220		228,138,718,087	247,426,512,763
1. Tangible fixed assets	221	V.8	206,558,729,815	225,303,166,653
<i>Historical costs</i>	222		914,106,823,409	904,665,685,355
<i>Accumulated depreciation</i>	223		(707,548,093,594)	(679,362,518,702)
2. Finance lease assets	224		-	-
<i>Historical costs</i>	225		-	-
<i>Accumulated depreciation</i>	226		-	-
3. Intangible fixed assets	227	V.9	21,579,988,272	22,123,346,110
<i>Historical costs</i>	228		28,941,911,391	28,691,911,391
<i>Accumulated amortization</i>	229		(7,361,923,119)	(6,568,565,281)
III. Investment properties	230		-	-
Historical costs	231		-	-
Accumulated depreciation	232		-	-
IV. Long-term assets in progress	240	V.10	29,790,216,377	3,408,141,075
1. Long-term work in progress	241		-	-
2. Construction-in-progress	242		29,790,216,377	3,408,141,075
V. Long-term financial investments	250		163,318,795,869	146,340,870,928
1. Investments in subsidiaries	251		-	-
2. Investments in joint ventures and associates	252	V.2b	136,839,315,869	119,861,390,928
3. Investments in other entities	253	V.2c	26,479,480,000	26,479,480,000
4. Provisions for diminution in value of long-term financial investments	254		-	-
5. Held-to-maturity investments	255		-	-
VI. Other non-current assets	260		31,506,163,536	32,225,181,005
1. Long-term prepaid expenses	261	V.7b	31,506,163,536	32,225,181,005
2. Deferred income tax assets	262		-	-
3. Long-term components and spare parts	263		-	-
4. Other non-current assets	268		-	-
5. Goodwill	269		-	-
TOTAL ASSETS	270		1,191,059,378,368	1,110,636,381,471

This statement should be read in conjunction with the Notes to the Consolidated Financial Statements

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2025

Consolidated Balance Sheet (cont.)

RESOURCES	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
C - LIABILITIES	300		477,639,279,582	459,983,241,926
I. Current liabilities	310		399,644,419,478	422,039,915,170
1. Short-term trade payables	311	V.11	236,702,854,657	272,139,149,586
2. Short-term advances from customers	312		1,238,902,070	507,226,395
3. Taxes and other obligations to the State Budget	313	V.12	19,137,362,327	12,301,808,364
4. Payables to employees	314		40,076,675,518	34,736,612,159
5. Short-term accrued expenses	315	V.13	39,388,605,979	20,400,109,725
6. Short-term inter-company payables	316		-	-
7. Payables based on the progress of construction contracts	317		-	-
8. Short-term unearned revenue	318		-	-
9. Other short-term payables	319	V.14a	30,058,815,985	31,149,293,587
10. Short-term borrowings and finance leases	320	V.15	1,811,700,252	32,249,712,000
11. Short-term provisions	321		-	-
12. Bonus and welfare funds	322	V.16	31,229,502,690	18,556,003,354
13. Price stabilization fund	323		-	-
14. Trading Government bonds	324		-	-
II. Non-current liabilities	330		77,994,860,104	37,943,326,756
1. Long-term trade payables	331		-	-
2. Long-term advances from customers	332		-	-
3. Long-term accrued expenses	333		-	-
4. Inter-company payables for working capital	334		-	-
5. Long-term inter-company payables	335		-	-
6. Long-term unearned revenue	336		-	-
7. Other long-term payables	337	V.14b	77,994,860,104	36,131,626,504
8. Long-term borrowings and finance leases	338	V.15	-	1,811,700,252
9. Convertible bonds	339		-	-
10. Preferred shares	340		-	-
11. Deferred income tax liabilities	341		-	-
12. Long-term provisions	342		-	-
13. Science and technology development fund	343		-	-

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2025

Consolidated Balance Sheet (cont.)

RESOURCES	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
D - OWNERS' EQUITY	400		713,420,098,786	650,653,139,545
I. Owners' equity	410	V.17	713,420,098,786	650,653,139,545
1. Owners' contribution capital	411		301,584,360,000	301,584,360,000
- Ordinary shares carrying voting right	411a		301,584,360,000	301,584,360,000
- Preferred shares	411b		-	-
2. Share premiums	412		20,712,126,338	20,712,126,338
3. Bond conversion options	413		-	-
4. Other sources of capital	414		1,512,000,000	1,512,000,000
5. Treasury shares	415		-	-
6. Differences on asset revaluation	416		-	-
7. Foreign exchange differences	417		-	-
8. Investment and development fund	418		242,669,433,938	198,962,141,295
9. Business arrangement supporting fund	419		-	-
10. Other funds	420		-	-
11. Retained earnings	421		121,355,537,070	105,466,176,752
- Retained earnings accumulated to the end of the previous period	421a		33,405,258,171	105,466,176,752
- Retained earnings of the current period	421b		87,950,278,899	-
12. Construction investment fund	422		-	-
13. Non-controlling interests	429		25,586,641,440	22,416,335,160
II. Other sources and funds	430		-	-
1. Sources of expenditure	431		-	-
2. Fund to form fixed assets	432		-	-
TOTAL RESOURCES	440		1,191,059,378,368	1,110,636,381,471

Prepared on 6 March 2026

Prepared by



Nguyen Xuan Tan

Chief Accountant



Pham Thi Thu Ha

Director



Le Van Cuong

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2025

CONSOLIDATED INCOME STATEMENT

For the fiscal year ended 31 December 2025

Unit: VND

ITEMS	Code	Note	Current year	Previous year
1. Revenue from sales of merchandise and rendering of services	01	VI.1	1,847,573,468,156	1,631,183,620,056
2. Revenue deductions	02		-	-
3. Net revenue from sales of merchandise and rendering of services	10		1,847,573,468,156	1,631,183,620,056
4. Costs of sales	11	VI.2	1,589,497,514,436	1,382,737,677,902
5. Gross profit/ (loss) from sales of merchandise and rendering of services	20		258,075,953,720	248,445,942,154
6. Financial income	21	VI.3	14,671,825,279	11,505,783,614
7. Financial expenses	22		969,757,290	503,814,945
In which: Interest expenses	23		522,155,654	503,814,945
8. Profit/ (loss) in joint ventures, associates	24	V.2b	31,621,132,481	21,920,604,178
9. Selling expenses	25	VI.4	32,691,362,157	30,590,906,571
10. General and administration expenses	26	VI.5	76,735,999,107	73,599,936,434
11. Net operating profit/ (loss)	30		193,971,792,926	177,177,671,996
12. Other income	31		254,876,259	7,215,616
13. Other expenses	32		83,825,153	168,826,313
14. Other profit/ (loss)	40		171,051,106	(161,610,697)
15. Total accounting profit/ (loss) before tax	50		194,142,844,032	177,016,061,299
16. Current income tax	51	V.12	33,938,212,820	30,788,062,496
17. Deferred income tax	52		-	-
18. Profit/ (loss) after tax	60		160,204,631,212	146,227,998,803
19. Profit/ (loss) after tax of the Parent Company	61		156,707,173,935	146,060,376,424
20. Profit/ (loss) after tax of non-controlling shareholders	62		3,497,457,277	167,622,379
21. Basic earnings per share	70	VI.6	4,366	4,041
22. Diluted earnings per share	71	VI.6	4,366	4,041

Prepared on 6 March 2026

Prepared by



Nguyen Xuan Tan

Chief Accountant



Pham Thi Thu Ha

Director



Le Van Cuong

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2025

CONSOLIDATED CASH FLOW STATEMENT

(Indirect method)

For the fiscal year ended 31 December 2025

ITEMS	Code	Note	Unit: VND	
			Current year	Previous year
I. Cash flows from operating activities				
1. Profit/ (loss) before tax	01		194,142,844,032	177,016,061,299
2. Adjustments				
- Depreciation and amortization of fixed assets and investment properties	02	VI.7	27,827,218,675	29,628,242,220
- Provisions and allowances	03	VI.5	84,380,000	103,708,462
- Exchange (gain)/ loss due to revaluation of monetary items in foreign currencies	04		446,370,299	(81,021)
- (Gain)/ loss from investing activities	05		(31,709,003,782)	(19,077,596,101)
- Interest expenses	06		522,155,654	503,814,945
- Others	07		-	-
3. Operating profit/ (loss) before changes in working capital	08		191,313,964,878	188,174,149,804
- (Increase)/ decrease in receivables	09		137,434,737,105	(193,054,779,954)
- (Increase)/ decrease in inventories	10		(700,410,976)	(179,569,077)
- Increase/ (decrease) in payables	11		36,553,879,431	102,515,547,402
- (Increase)/ decrease in prepaid expenses	12		1,160,798,177	(2,512,579,846)
- (Increase)/ decrease in trading securities	13		-	-
- Interests paid	14		(543,153,196)	(480,930,774)
- Corporate income tax paid	15	V.12	(31,648,681,708)	(31,904,122,003)
- Other cash inflows from operating activities	16	V.16	26,600,000	70,480,000
- Other cash outflows from operating activities	17	V.16	(13,345,417,248)	(23,417,259,618)
Net cash flows from operating activities	20		320,252,316,463	39,210,935,934
II. Cash flows from investing activities				
1. Purchases and construction of fixed assets and other non-current assets	21		(46,788,301,605)	(7,388,415,498)
2. Proceeds from disposals of fixed assets and other non-current assets	22		207,510,101	-
3. Cash outflows for lending, buying debt instruments of other entities	23		(121,537,312,261)	(85,000,000,000)
4. Cash recovered from lending, selling debt instruments of other entities	24		30,000,000,000	78,697,720,548
5. Investments in other entities	25		-	-
6. Proceeds from divestment of investments in other entities	26		-	-
7. Interests earned, dividends and profits received	27		13,674,822,084	11,622,898,985
Net cash flows from investing activities	30		(124,443,281,681)	(2,067,795,965)

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2025

Consolidated Cash Flow Statement (cont.)

ITEMS	Code	Note	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
III. Cash flows from financing activities				
1. Proceeds from share issuance and capital contributions from owners	31		-	-
2. Repayment for capital contributions and re-purchases of stocks already issued	32		-	-
3. Proceeds from borrowings	33	V.15	-	25,000,000,000
4. Repayment for borrowings	34	V.15	(32,249,712,000)	(7,249,712,000)
5. Repayments for finance lease principal	35		-	-
6. Dividends and profits paid to the owners	36		(71,298,872,788)	(70,445,564,305)
<i>Net cash flows from financing activities</i>	<i>40</i>		<u><i>(103,548,584,788)</i></u>	<u><i>(52,695,276,305)</i></u>
Net cash flows during the year	50		92,260,449,994	(15,552,136,336)
Beginning cash and cash equivalents	60	V.1	55,519,125,648	71,071,180,963
Effects of fluctuations in foreign exchange rates	61		(531,955,799)	81,021
Ending cash and cash equivalents	70	V.1	<u>147,247,619,843</u>	<u>55,519,125,648</u>

Prepared on 6 March 2026

Prepared by



Nguyen Xuan Tan

Chief Accountant



Pham Thi Thu Ha

Director




Le Van Cuong

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2025

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2025

I. GENERAL INFORMATION

1. Form of ownership

Tan Cang Logistics and Stevedoring Joint Stock Company (hereinafter referred to as "the Company" or "the Parent Company") is a joint stock company.

2. Operating fields

The Company operates in the field of service.

3. Business activities

The principal business activities of the Company include:

- Trading freight transport by car, inland waterway;
- Services of logistics;
- Services of import and export freight forwarding;
- Sea freight agent;
- Services of loading and unloading goods;
- Services of customs clearance; and
- Services of leasing warehouses, yards, tally and packaging goods.

4. Normal operating cycle

The normal operating cycle of the Company is within 12 months.

5. Statement on information comparability in the Consolidated Financial Statements

The corresponding figures of the previous year are comparable to those of the current year.

6. Structure of the Group

The Group includes the Parent Company and one subsidiary under the control of the Parent Company which is consolidated in these Consolidated Financial Statements.

Subsidiaries

The Company only invests in one subsidiary which is Dong Nai Newport Logistics JSC. located at Tan Cang Nhon Trach Port, Hamlet 3, Nhon Trach Commune, Dong Nai Province. The principal business activity of this subsidiary includes seaport service.

As of the balance sheet date, the Company's proportion of capital contribution in this subsidiary was 51%, the proportion of voting rights and proportion of beneficial interest were equivalent to the proportion of capital contribution.

Associates

Name	Address	Principal business activity	Proportion of capital contribution	Proportion of beneficial interest	Proportion of voting rights
Tan Cang Ben Thanh Corporation	1295B Nguyen Thi Dinh Street, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City	Seaport service	36.00%	36.00%	36.00%
Hai Phong – 128 Tan Cang JSC.	Ha Doan, Dong Hai Ward, Hai Phong City	Seaport service	36.00%	36.00%	36.00%

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

Name	Address	Principal business activity	Proportion of capital contribution	Proportion of beneficial interest	Proportion of voting rights
Cat Lai – Eastern Sai Gon JSC.	938/180 Nguyen Thi Dinh Street, Ward 3, Cat Lai District, Ho Chi Minh City	Seaport service	24.39%	24.39%	24.39%

7. Employees

As at 31 December 2025, there were 355 employees working for the Group (As at 1 January 2025: 364 employees).

II. FISCAL YEAR AND ACCOUNTING CURRENCY

1. Fiscal year

The fiscal year of the Group begins on 1 January and ends on 31 December each year.

2. Accounting currency unit

The accounting currency unit is Vietnamese Dong (VND) because payments and receipts of the Group are primarily made in VND.

III. APPLICABLE ACCOUNTING STANDARDS AND SYSTEM

1. Applicable Accounting System

The Group applies the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System, which were issued together with the Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 on guidelines for accounting policies for enterprises, the Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016, the Circular No. 202/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 giving guidance on the preparation and presentation of Consolidated Financial Statements as well as other Circulars guiding the implementation of the Vietnamese Accounting Standards of the Ministry of Finance in the preparation and presentation of Consolidated Financial Statements.

2. Statement on the compliance with the Accounting Standards and System

The Board of Management ensures to follow all the requirements of the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System, which were issued together with the Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014, the Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016, the Circular No. 202/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 as well as other Circulars guiding the implementation of the Vietnamese Accounting Standards of the Ministry of Finance in the preparation and presentation of Consolidated Financial Statements.

On 27 October 2025, the Ministry of Finance issued Circular No. 99/2025/TT-BTC ("Circular 99") guiding the Enterprise Accounting System, replacing Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance guiding the Enterprise Accounting System ("Circular 200") and Circular No. 75/2015/TT-BTC dated 18 May 2015 and Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016 of the Ministry of Finance amending and supplementing certain provisions of Circular 200. The provisions of Circular 99 are applicable to the recording, preparation and presentation of Financial Statements for the fiscal year commencing on 1 January 2026.

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

IV. APPLICABLE ACCOUNTING POLICIES

1. Basis of preparation of the Consolidated Financial Statements

All the Consolidated Financial Statements are prepared on the accrual basis (except for the information related to cash flows).

The Consolidated Financial Statements have been prepared in both Vietnamese and English, in which the Consolidated Financial Statements in Vietnamese are the official statutory financial statements of the Group. The Consolidated Financial Statements in English have been translated from the Vietnamese version. In the event of any discrepancy between the two versions, the Vietnamese version shall prevail.

2. Basis of consolidation

The Consolidated Financial Statements include the Financial Statements of the Parent Company and the Financial Statements of its subsidiaries. A subsidiary is a business that is controlled by the Parent Company. The control exists when the Parent Company has the power to directly or indirectly govern the financial and operating policies of the subsidiary to obtain economic benefits from its activities. In determining the control power, the potential voting right arising from share call options, debt or equity instruments that are convertible into ordinary shares as of the balance sheet date shall be taken into consideration.

The business performance results of the subsidiaries that are acquired or disposed of during the period are included in the Consolidated Income Statement from the date of acquisition or until the date of disposal of those subsidiaries.

The Financial Statements of the Parent Company and its subsidiaries used for consolidation are prepared for the same accounting period and apply consistent accounting policies for similar transactions and events in similar circumstances. In case the subsidiaries' accounting policies are different from those that are applied consistently within the Group, the appropriate adjustments should be made to the subsidiaries' Financial Statements before they are used to prepare the Consolidated Financial Statements.

Intra-group balances in the Balance Sheet and intra-group transactions and unrealized intra-group gains resulting from these transactions are eliminated when preparing the Consolidated Financial Statements. Unrealized losses resulting from intra-group transactions are also eliminated unless costs that cause those losses cannot be recovered.

Non-controlling interests ("NCI") include the gains or losses of the subsidiary's business performance results and net assets that are not held by the Parent Company and are presented in a specific item in the Consolidated Income Statement and the Consolidated Balance Sheet (as a part of the owner's equity). NCI include the value of NCI at the date of initial business combination and those in the changes of owner's equity commencing from that date. Losses arising in subsidiaries are allocated to NCI based on the non-controlling shareholders' ownership rate in the subsidiaries, even if those losses exceed the non-controlling shareholders' ownership in the net assets of the subsidiaries.

When the Group contributes capital to increase the benefit rate in an existing subsidiary, the difference between the consideration transferred for the additional investment and the carrying amount of the subsidiary's net assets that are additional purchased at the acquisition date is recorded as "Retained earnings" on the Consolidated Balance Sheet.

3. Cash and cash equivalents

Cash includes cash on hand and demand deposits at banks. Cash equivalents are short-term investments of which the due dates do not exceed 3 months from the dates of the investments that are readily convertible into known amounts of cash and that are subject to an insignificant risk of change in value as of the balance sheet date.

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

4. Financial investments

Held-to-maturity investments

Investments are classified as held-to-maturity investments that the Group intends and is able to hold to maturity. Held-to-maturity investments only include held-to-maturity term deposits at banks for the purpose of earning periodical interest. Interest income from term deposits at banks is recognized in the Income Statement on the accrual basis.

Investments in associates

An associate is an entity which the Group has significant influence but does not have the right to control its financial and operating policies. Significant influence is the right to participate in making resolution on the associate's financial and operating policies but not control those policies.

Investments in associates are recognized in accordance with the equity method. Accordingly, the investments in associates are presented in the Consolidated Financial Statements by the initial investment costs and adjusted for changes in benefits on net assets of associates after the investment date. If the benefits of the Group in losses of associates are higher than or equal to book value of the investments, the value of investments will be presented in the Consolidated Financial Statements as zero unless the Group has an obligation to make the payment instead of associates.

The Financial Statements of associates are prepared for the same accounting period of the Group. In case the accounting policies of an associate are different from those consistently applied in the Group, the Financial Statements of that associate will be suitably adjusted before being used to prepare the Consolidated Financial Statements.

Unrealized gains and losses from transactions with associates are eliminated by the proportion belong to the Group when preparing the Consolidated Financial Statements.

Investments in equity instruments of other entities

Investments in equity instruments of other entities include such investments in equity instruments that do not enable the Group to have the control, joint control or significant influence on these entities.

Investments in equity instruments of other entities are initially recognized at costs, including cost of purchase plus other directly attributable transaction costs. Dividend and profit of the periods prior to the acquisition of investments are deducted from the cost of such investments. Dividend and profit of the periods after the acquisition of such investments are recorded in the Group's financial income. Particularly, stock dividends received are not recorded as an increase in value, but the increasing quantity of shares is followed up.

Provisions for impairment of investments in equity instruments of other entities are made as follows:

- For investments in listed shares or fair value of investments which is reliably measured, provisions are made on the basis of the market value of shares.
- For investments of which the fair value cannot be measured at the time of reporting, provisions are made based on the losses suffered by investees, with the provision amount determined by the difference between owners' actual contributed capital and total owners' equity as of the balance sheet date multiplied (x) by the Group's rate of charter capital owning in these investees.

Increases/ (decreases) in the provisions for impairment of investments in equity instruments of other entities to be recognized as of the balance sheet date are recorded in "Financial expenses".

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

5. Receivables

Receivables are recognized at the carrying amounts less allowance for doubtful debts.

The classification of receivables as trade receivables and other receivables is made according to the following principles:

- Trade receivables reflect receivables concerning the commercial nature arising from purchase and sale transactions between the Group and customers who are independent to the Group.
- Other receivables reflect receivables not concerning the commercial nature and irrelevant to purchase and sale transactions.

Allowance is made for each doubtful debt after being offset against liabilities (if any). The allowance rate is based on the debts' overdue period or the estimated loss, as follows:

- As for overdue debts:
 - 30% of the value of debts with the overdue period from 6 months to under 1 year.
 - 50% of the value of debts with the overdue period from 1 year to under 2 years.
 - 70% of the value of debts with the overdue period from 2 years to under 3 years.
 - 100% of the value of debts with the overdue period from or over 3 years.
- As for the debts that are not overdue, but considered as doubtful debts: Allowance is made on the basis of the estimated loss.

Increases/ (decreases) in the allowance for doubtful debts to be recognized as of the balance sheet date are recorded in "General and administration expenses".

6. Inventories

Inventories are recognized at the lower of cost and net realizable value.

For inventories consisting of raw materials (supplies, spare parts for repairs), the cost of inventory is determined to include the costs of purchases and other directly related expenses incurred to obtain the inventory at its present location and condition.

The cost of inventories is determined using the weighted average method and recorded in accordance with the perpetual inventory system.

The Group's inventories primarily consist of materials and spare parts for repairs that are kept in normal condition. Consequently, no allowance for inventories is required.

7. Prepaid expenses

Prepaid expenses comprise actual expenses arising and relevant to financial performance in several accounting periods. These prepaid expenses are amortized over the prepayment period or the period in which corresponding economic benefits are generated from these expenses.

The Group's prepaid expenses primarily include:

Warehouse and yard construction costs

The investment costs of construction of an empty container yard (depot) are amortized using the straight-line method over the five-year lease term for the warehouse.

Expenses for fixed asset repairs

Expenses for fixed asset repairs arising once with high value are amortized using the straight-line method over 3 years.

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

8. Operating lease assets

A lease is classified as an operating lease if significant risks and rewards associated with the ownership belong to the lessor. The lease expenses are allocated to operating expenses using the straight-line method over the lease term and are not dependent on the method of lease payment.

9. Tangible fixed assets

Tangible fixed assets are determined by their historical costs less accumulated depreciation.

Historical costs of tangible fixed assets include all the expenses paid by the Group to bring the asset to its working condition for its intended use. Other expenses arising subsequent to initial recognition are included into historical costs of fixed assets only if it can be clearly demonstrated that the expenditure has resulted in future economic benefits expected to be obtained from the use of these assets. Those which do not meet the above conditions will be recorded into operation costs during the year.

When a tangible fixed asset is sold or disposed, its historical cost and accumulated depreciation are written off, then any gain or loss arising from such disposal is included in the income or the expenses during the year.

Tangible fixed assets are depreciated using the straight-line method over their estimated useful lives. The depreciation years applied are as follows:

<u>Class of fixed assets</u>	<u>Number of years</u>
Buildings and structures	6 – 38
Machinery and equipment	3 – 20
Vehicles	5 - 6
Office equipment	3
Perennial plants	2
Other fixed assets	5 - 8

10. Intangible fixed assets

Intangible fixed assets are determined by their historical costs less accumulated amortization.

Historical costs of intangible fixed assets include all the costs paid by the Group to bring the asset to its working condition for its intended use. Other costs relevant to intangible fixed assets arising subsequent to initial recognition are included into operation costs during the period, otherwise, these costs are included into historical costs of fixed assets only if they are associated with a specific intangible fixed asset and result in future economic benefits expected to be obtained from the use of the asset.

When an intangible fixed asset is sold or disposed, its historical costs and accumulated amortization are written off, then any gain or loss arising from such disposal is included in the income or the expenses during the year.

The Group's intangible fixed assets include:

Land use right

Land use right includes all the actual expenses paid by the Group directly attributable to the land being used such as expenses to obtain the land use right, registration fees, etc. The land use right is amortized using the straight-line method over the remaining land allocation period of 35 years 9 months.

Computer software

Costs to obtain computer software, which is not a part associated with the relevant hardware, will be capitalized. Costs of computer software include all the expenses paid by the Group until the date the software is put into use. Computer software is amortized using the straight-line method over 03 years.

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

11. Construction-in-progress

Construction-in-progress reflects the expenses (including relevant borrowing interest expenses following the accounting policies of the Group) directly attributable to the construction of plants and the installation of machinery and equipment to serve for production, leasing, and management as well as the repair of fixed assets, which have not been completed yet. Assets in the progress of construction and installation are recorded at historical costs and not depreciated.

12. Business Cooperation Contract ("BCC")

Jointly controlled operations

In respect of its interests in jointly controlled operations, the Group shall recognize in its Financial Statements:

- The assets that the Group controls;
- The liabilities that the Group incurs;
- The revenue that the Group earns from the sale of merchandise or rendering services by the joint venture; and
- The expenses that the Group incurs.

13. Payables and accrued expenses

Payables and accrued expenses are recorded based on the amounts payable for merchandise and services already used. Accrued expenses are recorded based on reasonable estimates for the amounts payable.

The classification of payables as trade payables, accrued expenses and other payables is made on the basis of following principles:

- Trade payables reflect payables of commercial nature arising from the purchase of merchandise, services, or assets and the seller is an independent entity with the Group;
- Accrued expenses reflect expenses for goods, services received from suppliers or supplied to customers but have not been paid, invoiced or lack of accounting records and supporting documents; pay on leave payable to employees; and accrual of operating expenses;
- Other payables reflect payables of non-commercial nature and irrelevant to purchase, sales of merchandise or rendering of services.

Payables and accrued expenses are classified into short-term and long-term ones in the Consolidated Balance Sheet based on the remaining terms as of the balance sheet date.

14. Owners' equity

Owners' contribution capital

Owners' contribution capital is recorded according to the actual amounts invested by the shareholders.

Share premiums

The differences between the issuance price and face value upon the IPO, additional issue or the difference between the re-issuance price and carrying value of treasury shares and the equity component of convertible bonds upon maturity date are recognized into share premiums. Expenses directly attributable to the additional issue of shares and the re-issuance of treasury shares are recorded as a decrease in share premiums.

Other sources of capital

Other sources of capital are due to the supplementation from business profits, revaluation of assets and fair value of the assets gifted, granted or sponsored to the Group after deducting taxes payable (if any) related to these assets.

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

15. Profit distribution

Profit after tax is distributed to the shareholders after appropriation for funds under the Charter of the Company as well as legal regulations and approved by the General Meeting of Shareholders.

The distribution of profits to the shareholders is made in consideration of non-cash items in retained earnings that may affect cash flows and the ability to pay dividends such as gains from revaluation of assets invested in other entities, gains from revaluation of monetary items, financial instruments and other non-cash items.

Dividend is recorded as payables upon approval of the General Meeting of Shareholders.

16. Recognition of revenue and income

Revenue from rendering of services

Revenue from rendering of services shall be recognized when all of the following conditions are satisfied:

- The amount of revenue can be measured reliably. When the contract stipulates that the buyer is entitled to return the services provided under specific conditions, revenue is recognized only when those specific conditions no longer exist and the buyer is not entitled to return the services rendered;
- The Group received or shall probably receive the economic benefits associated with the rendering of services;
- The stage of completion of the transaction at the end of reporting period can be measured reliably;
- The costs incurred for the transaction and the costs to complete the transaction can be measured reliably.

In the case that the services are rendered in several accounting periods, revenue is recognized on the basis of the stage of completion as of the balance sheet date.

Interest

Interest is recorded based on the term and the actual interest rate applied in each particular period.

Dividend income

Income from dividends is recognized when the Group has the right to receive dividends from the investees. Particularly, stock dividends received are not recorded as an increase in value, but the increasing quantity of shares is followed up.

17. Borrowing costs

Borrowing costs are interest expenses and other costs that the Group directly incurs in connection with the borrowings.

Borrowing costs are recorded as expenses when incurred.

18. Expenses

Expenses are those that result in outflows of the Group's economic benefits and are recorded at the time of transactions or when incurrence of the transaction is reliable regardless of whether payment for expenses is made or not.

Expenses and their corresponding revenues are simultaneously recognized in accordance with matching principle. In the event that matching principle conflicts with prudence principle, expenses are recognized based on the nature and regulations of accounting standards in order to guarantee that transactions can be fairly and truly reflected.

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

19. Corporate income tax

Corporate income tax only includes current income tax, which is the tax amount computed based on the taxable income. Taxable income is different from accounting profit due to the adjustments of temporary differences between tax and accounting figures, non-deductible expenses as well as those of non-taxable income and losses brought forward.

20. Related parties

Parties are considered to be related parties in case that one party is able to control the other party or has significant influence on the financial and operating decisions of the other party. Parties are also considered to be related parties in case that they are under the common control or under the common significant influence.

In considering each possible related party relationship, attention is directed to the substance of the relationship and not merely the legal form.

21. Segment reporting

A business segment is a distinguishable component of the Group that is engaged in manufacturing or providing products or services and that is subject to risks and returns that are different from those of other business segments.

A geographical segment is a distinguishable component of the Group that is engaged in manufacturing or providing products or services within a particular economic environment and that is subject to risks and returns that are different from those of components operating in other economic environments.

The segment information is prepared and presented in conformity with the accounting policy applied for the preparation and presentation of the Group's Consolidated Financial Statements.

V. ADDITIONAL INFORMATION ON THE ITEMS OF THE CONSOLIDATED BALANCE SHEET

1. Cash and cash equivalents

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Cash on hand	118,260,151	401,162,811
Demand deposits at banks	51,129,359,692	13,117,962,837
Cash equivalents (Bank term deposits with initial maturities within 3 months)	96,000,000,000	42,000,000,000
Total	<u>147,247,619,843</u>	<u>55,519,125,648</u>

2. Financial investments

2a. Held-to-maturity investments

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Term deposits at banks with maturities ranging from 6 months to 12 months, interest rates ranging from 4% to 7.7% per annum, with the carrying value equal to its original cost	236,639,591,713	145,102,279,452

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

2b. Investments in associates

	Ending balance		Total	Beginning balance		Total
	Original cost	Profit after investment date		Original cost	Profit after the investment	
Tan Cang Ben Thanh Corporation	54,000,000,000	39,323,299,934	93,323,299,934	54,000,000,000	31,689,142,718	85,689,142,718
Hai Phong – 128 Tan Cang JSC.	33,120,000,000	(1,558,065,209)	31,561,934,791	33,120,000,000	(10,505,345,487)	22,614,654,513
Cat Lai – Eastern Saigon JSC.	10,000,000,000	1,954,081,144	11,954,081,144	10,000,000,000	1,557,593,697	11,557,593,697
Total	97,120,000,000	39,719,315,869	136,839,315,869	97,120,000,000	22,741,390,928	119,861,390,928

The number of shares held and the proportion of beneficial interest of the Group in the entities are as follows:

Company Name	Ending balance		Beginning balance	
	Number of shares	Proportion of beneficial interest	Number of shares	Proportion of beneficial interest
Tan Cang Ben Thanh Corporation	5,400,000	36.00%	5,400,000	36.00%
Hai Phong – 128 Tan Cang JSC.	3,312,000	36.00%	3,312,000	36.00%
Cat Lai – Eastern Saigon JSC.	1,000,000	24.39%	1,000,000	24.39%

The value of the Group's ownership in the associates is as follows:

	Beginning balance		Profit for the year		Dividend income received in the year		Ending balance	
	Beginning balance	Profit for the year	Beginning balance	Dividend income received in the year	Beginning balance	Ending balance	Beginning balance	Ending balance
Tan Cang Ben Thanh Corporation	85,689,142,718	21,134,157,216	(13,500,000,000)	93,323,299,934	31,561,934,791	11,954,081,144	136,839,315,869	
Hai Phong – 128 Tan Cang JSC.	22,614,654,513	8,947,280,278	(1,143,207,540)	31,561,934,791	11,954,081,144	11,954,081,144	11,954,081,144	
Cat Lai – Eastern Saigon JSC.	11,557,593,697	1,539,694,987	(14,643,207,540)	11,557,593,697	11,557,593,697	11,557,593,697	11,557,593,697	
Total	119,861,390,928	31,621,132,481	(14,643,207,540)	136,839,315,869	136,839,315,869	136,839,315,869	136,839,315,869	

Operation of associates

The associates have been in their normal operation and have not experienced any significant change as compared to that of the previous year.

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

Transactions with associates

The following are the significant transactions between the Company and its associates:

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Hai Phong – 128 Tan Cang JSC.		
Rendering of services to the associate	348,480,000	1,048,608,000
Tan Cang Ben Thanh Corporation		
Dividends received	13,500,000,000	13,500,000,000
Rendering of services to the associate	14,903,900,800	360,742,000
Use of services rendered by the associate	360,889,666,013	333,044,086,891
Cat Lai – Eastern Saigon JSC.		
Rendering of services to the associate	4,403,379,920	5,467,121,500
Acquisition of materials of the associate	13,348,323,903	17,443,153,247
Use of services rendered by the associate	343,155,678,517	359,849,522,132
Dividends received	1,143,207,540	824,766,240

2c. Investments in other entities

	<u>Ending balance</u>		<u>Beginning balance</u>	
	<u>Original cost</u>	<u>Fair value</u>	<u>Original cost</u>	<u>Fair value</u>
Military Commercial Joint Stock Bank (MBBank) ^(*)	14,666,980,000	118,854,820,700	14,666,980,000	77,678,053,065
Cat Lai Port JSC. (1,237,500 shares)	11,812,500,000	37,743,750,000	11,812,500,000	44,302,500,000
Total	26,479,480,000	156,598,570,700	26,479,480,000	121,980,553,065

(*) This represents an entrusted investment through the Parent Company, Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation. As of the balance sheet date, the Group held 4,697,819 shares of Military Commercial Joint Stock Bank, reflecting a 1,603,076 share increase from the beginning of the year, resulting from the receipt of stock dividends (beginning balance: 3,094,743 shares).

Fair value

For listed investments, fair value was determined in accordance with the listed price as of the balance sheet date.

The Group has not determined fair value of investments without listed price because there have not been any specific instructions on determination of fair value.

3. Short-term trade receivables

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Receivables from related parties		
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation	269,062,603,969	396,032,593,166
Tan Cang Warehousing JSC.	249,532,539,224	387,339,185,326
Tan Cang Waterway Transport JSC.	531,081,457	1,672,431,300
Binh Duong Newport Logistics JSC.	129,870,000	460,185,166
Tan Cang Overland Transport JSC.	-	24,844,000
Cat Lai – Eastern Sai Gon JSC.	1,524,316,240	4,428,288,200
Cat Lai Port International Logistics JSC.	3,975,779,214	740,404,995
Tan Cang Container Services JSC.	-	123,552,000
Tan Cang Hiep Phuoc Port JSC.	917,846,124	725,213,706
	271,790,640	93,980,520

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

	Ending balance		Beginning balance	
	Value	Allowance	Value	Allowance
Hai Phong – 128 Tan Cang JSC.	31,363,200	-	94,089,600	-
Phu Huu – Newport Corporation	111,393,360	-	144,898,740	-
Tan Cang Ben Thanh Corporation	6,103,745,626	-	65,601,360	-
Tan Cang Pilot One Member LLC	72,683,828	-	21,657,300	-
Tan Cang – Cai Mep International Terminal Co., Ltd.	1,307,342,553	-	199,113	-
Tan Cang Hiep Luc JSC.	62,282,520	-	90,149,760	-
Tan Cang Maritime Services JSC.	-	-	7,912,080	-
Tan Cang - Cai Mep Thi Vai One Member LLC	4,490,569,983	-	-	-
<i>Receivables from other customers</i>	<i>26,749,256,110</i>	-	<i>32,091,771,480</i>	-
Total	295,811,860,079	-	428,124,364,646	-
4. Short-term prepayments to suppliers				
	Ending balance		Beginning balance	
	Value	Allowance	Value	Allowance
Vina E&C Investment and Construction JSC.	2,180,474,309	-	-	-
Tincons Co., Ltd.	1,448,393,400	-	-	-
Dan Hung Trading Co., Ltd.	1,095,000,000	-	-	-
Phuc Lam Engineering and Trading JSC.	-	-	1,024,716,000	-
Lin Dan Engineering Trading and Investment Co., Ltd.	-	-	674,942,400	-
Other suppliers	3,696,183,981	-	700,178,989	-
Total	8,420,051,690	-	2,399,837,389	-
5. Other receivables				
5a. Other short-term receivables				
	Ending balance		Beginning balance	
	Value	Allowance	Value	Allowance
<i>Receivables from related parties</i>	<i>347,372,000</i>	-	<i>503,072,516</i>	-
Payments on behalf	116,372,000	-	255,752,516	-
<i>Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation</i>	<i>100,228,000</i>	-	<i>175,106,236</i>	-
<i>Tan Cang Overland Transport JSC.</i>	<i>16,144,000</i>	-	<i>30,606,280</i>	-
<i>Cat Lai Port International Logistics JSC.</i>	-	-	<i>50,040,000</i>	-
Cat Lai – Eastern Saigon JSC. – Deposit for hiring yards	231,000,000	-	231,000,000	-
Cat Lai – Eastern Saigon JSC. – Other receivables	-	-	16,320,000	-
<i>Receivables from other organizations and individuals</i>	<i>24,396,877,780</i>	-	<i>14,343,509,297</i>	-
Deposits	20,939,230,000	-	4,165,000,000	-
<i>Eastern Saigon Logistics JSC.</i>	<i>4,112,000,000</i>	-	<i>4,112,000,000</i>	-
<i>Construction Investment JSC. No. 14</i>	<i>4,916,000,000</i>	-	-	-
<i>Blue Star Transportation Trading Investment and Services Co., Ltd. (1)</i>	<i>11,869,230,000</i>	-	-	-
Others	42,000,000	-	53,000,000	-
Receipts and payments on behalf	85,380,000	-	1,188,375,780	-
Advances	702,168,887	-	4,229,270,653	-

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

	Ending balance		Beginning balance	
	Value	Allowance	Value	Allowance
Accrued interest income of term deposits	2,594,664,505	-	1,684,986,301	-
Receivables from employees	-	-	2,629,408,167	-
Other short-term receivables	75,434,388	-	446,468,396	-
Total	24,744,249,780	-	14,846,581,813	-

(i) This represents the deposit for premises lease at Cat Lai Industrial Park, with a lease term expiring on 31 December 2025.

5b. Other long-term receivables

	Ending balance		Beginning balance	
	Value	Allowance	Value	Allowance
Deposits for use of services	330,000,000	-	330,000,000	-
Deposit for hiring yards	9,345,300,000	-	17,661,300,000	-
Construction Investment JSC. No. 14	-	-	8,316,000,000	-
Tincons Co., Ltd. (i)	6,345,300,000	-	6,345,300,000	-
Quang Minh Investment Construction Transport JSC. (ii)	3,000,000,000	-	3,000,000,000	-
Total	9,675,300,000	-	17,991,300,000	-

(i) This represents the deposit for premises and infrastructure lease in Di An Ward, Ho Chi Minh City, with a lease term until 12 February 2029.

(ii) This represents the deposit for premises lease at Cat Lai Industrial Park, with a lease term from 1 November 2023 to 31 December 2028.

6. Inventories

	Ending balance	Beginning balance
Materials and spare parts for repair	13,796,628,316	13,096,217,340

7. Prepaid expenses

7a. Short-term prepaid expenses

	Ending balance	Beginning balance
Expenses for military uniforms, uniforms and labor protection	1,511,245,453	614,989,800
Insurance premiums	780,198,956	818,988,396
Road toll	142,423,154	173,845,769
Expenses for tools	216,044,350	1,440,501,719
Other expenses	34,016,937	77,383,874
Total	2,683,928,850	3,125,709,558

7b. Long-term prepaid expenses

	Ending balance	Beginning balance
Expenses for tools	414,754,875	639,049,736
Expenses for repairs and replacement of mattress and crane at rice packing dock	5,494,256,985	6,598,097,448
Expenses for repairs, construction at Tan Cang Nhon Trach	13,287,513,093	14,863,582,113
Expenses for machinery and equipment repairs	6,312,980,862	4,093,823,231
Other expenses for repairs, construction	5,983,427,721	6,030,628,477
Other expenses	13,230,000	-
Total	31,506,163,536	32,225,181,005

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

8. Tangible fixed assets	Buildings, structures	Machinery and equipment	Vehicles	Office equipment	Perennial plants	Other fixed assets	Total
<i>Historical costs</i>							
Beginning balance	276,465,973,529	554,296,185,447	59,188,649,459	2,790,058,413	80,000,000	11,844,818,507	904,665,685,355
New acquisition	-	8,694,019,445	637,639,394	312,756,488	-	357,000,000	10,001,415,327
Liquidation and disposal	(316,277,273)	-	-	-	-	(244,000,000)	(560,277,273)
Ending balance	<u>276,149,696,256</u>	<u>562,990,204,892</u>	<u>59,826,288,853</u>	<u>3,102,814,901</u>	<u>80,000,000</u>	<u>11,957,818,507</u>	<u>914,106,823,409</u>
<i>In which:</i>							
Assets fully depreciated but still in use	15,097,748,663	210,005,478,319	38,119,975,830	2,497,912,873	80,000,000	857,582,902	266,658,698,587
Assets waiting for liquidation	-	-	-	-	-	-	-
<i>Depreciation</i>							
Beginning balance	129,272,385,527	489,659,941,406	53,492,804,049	2,547,431,791	80,000,000	4,309,955,929	679,362,518,702
Depreciation during the year	11,347,569,554	11,452,961,474	3,534,300,063	113,754,381	-	2,236,335,145	28,684,920,617
Liquidation and disposal	(255,345,725)	-	-	-	-	(244,000,000)	(499,345,725)
Ending balance	<u>140,364,609,356</u>	<u>501,112,902,880</u>	<u>57,027,104,112</u>	<u>2,661,186,172</u>	<u>80,000,000</u>	<u>6,302,291,074</u>	<u>707,548,093,594</u>
<i>Net book value</i>							
Beginning balance	147,193,588,002	64,636,244,041	5,695,845,410	242,626,622	-	7,534,862,578	225,303,166,653
Ending balance	<u>135,785,086,900</u>	<u>61,877,302,012</u>	<u>2,799,184,741</u>	<u>441,628,729</u>	-	<u>5,655,527,433</u>	<u>206,558,729,815</u>
<i>In which:</i>							
Assets temporarily not in use	-	-	-	-	-	-	-
Assets waiting for liquidation	-	-	-	-	-	-	-

Certain tangible fixed assets with a net book value of VND 66,084,091,010 have been pledged as collateral for the Group's bank loans.



TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

9. Intangible fixed assets

	Land use right (*)	Computer software	Total
<i>Historical costs</i>			
Beginning balance	27,991,682,391	700,229,000	28,691,911,391
New acquisition	-	250,000,000	250,000,000
Ending balance	27,991,682,391	950,229,000	28,941,911,391
<i>In which:</i>			
Assets fully amortized but still in use	-	580,229,000	580,229,000
<i>Amortization</i>			
Beginning balance	5,939,411,555	629,153,726	6,568,565,281
Amortization during the year	705,672,660	87,685,178	793,357,838
Ending balance	6,645,084,215	716,838,904	7,361,923,119
<i>Net book value</i>			
Beginning balance	22,052,270,836	71,075,274	22,123,346,110
Ending balance	21,346,598,176	233,390,096	21,579,988,272
<i>In which:</i>			
Assets temporarily not in use	-	-	-
Assets waiting for liquidation	-	-	-

(*) This represents the land use right in Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City acquired from District 2 Public Service One Member Co., Ltd., with a term of use until 30 August 2055; which has been pledged as collateral at Vietnam International Commercial Joint Stock Bank ("VIB") - Saigon Branch.

10. Construction-in-progress

	Beginning balance	Expenses incurred	Transferred to fixed assets	Transferred to expenses/prepaid expenses	Ending balance
<i>Acquisition of fixed assets</i>	319,315,741	4,082,460,192	(4,113,775,933)	(288,000,000)	-
<i>Construction-in-progress</i>	3,088,825,334	31,365,451,624	-	(4,664,060,581)	29,790,216,377
Project of relocation of petroleum warehouse of region 2	1,895,623,479	-	-	-	1,895,623,479
Warehouse construction at ICD Tan Cang Nhon Trach (*)	366,460,121	25,201,692,156	-	-	25,568,152,277
Repair of the revetment protecting Tan Cang Nhon Trach barge berth	-	4,090,723,497	-	(4,090,723,497)	-
Other projects	826,741,734	2,073,035,971	-	(573,337,084)	2,326,440,621
Total	3,408,141,075	35,447,911,816	(4,113,775,933)	(4,952,060,581)	29,790,216,377

(*) The investment project for warehouse construction at Tan Cang Nhon Trach ICD (15-hectare zone) has a total investment of VND 41,629,655,828, with completion expected in the second quarter of 2026.

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

11. Short-term trade payables

	Ending balance	Beginning balance
<i>Payables to related parties</i>	<u>187,869,748,264</u>	<u>204,276,750,764</u>
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation	204,275,000	-
Tan Cang Warehousing JSC.	155,567,930	50,447,070
Tan Cang Waterway JSC.	110,747,520	148,758,120
Tan Cang Technical Services JSC.	6,037,045,855	10,055,503,043
Tan Cang Ben Thanh Corporation	116,084,289,194	140,422,506,082
Tan Cang Information Technology Solutions JSC.	2,102,131,612	491,656,091
Tan Cang - STC Human Resource Development Co., Ltd.	170,745,400	42,920,000
Tan Cang Hiep Luc JSC.	-	28,169,856
Tan Cang Container Services JSC.	29,088,484,694	19,947,820,777
Phu Huu – Newport Corporation	25,957,800	15,874,920
Binh Duong Newport Logistics JSC.	-	22,696,000
Tan Cang Overland Transport JSC.	64,508,130	27,434,970
Cat Lai – Eastern Sai Gon JSC.	33,781,328,129	32,987,606,835
Tan Cang Offshore Travel and Flight Services JSC.	43,217,000	35,357,000
Tan Cang HMM Logistics JSC.	1,450,000	-
<i>Payables to other suppliers</i>	<u>48,833,106,393</u>	<u>67,862,398,822</u>
Total	<u>236,702,854,657</u>	<u>272,139,149,586</u>

The Group has no overdue trade payables.

12. Taxes and other obligations to the State Budget

	Beginning balance	Amount payable during the year	Amount already paid during the year	Ending balance
VAT on local sales	216,881,923	20,299,591,867	(14,277,029,094)	6,239,444,696
Corporate income tax	10,368,490,112	33,938,212,820	(31,648,681,708)	12,658,021,224
Corporate income tax paid on behalf of the BCC's parties	1,277,903,490	-	(1,277,903,490)	-
Personal income tax	438,532,839	8,009,897,402	(8,208,533,834)	239,896,407
Other taxes	-	91,551,881	(91,551,881)	-
Total	<u>12,301,808,364</u>	<u>62,339,253,970</u>	<u>(55,503,700,007)</u>	<u>19,137,362,327</u>

Value added tax (VAT)

Companies and its subsidiary have to pay VAT in accordance with the deduction method. The VAT rate applied to water sale is 5%, and the VAT rates applied to other services are 8% and 10%.

Corporate income tax (CIT)

Companies and its subsidiary have to pay CIT for taxable income at the rate of 20%.

The CIT liabilities of Companies and its subsidiary are determined based on the prevailing regulations on taxes. However, these regulations may change from time to time and regulations applicable to variety of transactions can be interpreted differently. Therefore, the tax amount presented in the Consolidated Financial Statements could change when being inspected by the Tax Authorities.

Other taxes

Companies and its subsidiary declare and pay these taxes according to prevailing regulations.

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)**13. Short-term accrued expenses**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
<i>Accrued expenses to related parties</i>	<i>10,402,735,915</i>	<i>14,837,217,982</i>
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation	10,402,735,915	5,414,784,322
<i>Land rental and infrastructure rental costs</i>	<i>8,807,365,009</i>	<i>3,372,386,322</i>
<i>Expenses for transportation, loading and unloading</i>	<i>1,595,370,906</i>	<i>2,042,398,000</i>
Cat Lai – Eastern Saigon JSC. - Expenses for repairs, maintenance	-	157,000,000
Tan Cang Ben Thanh Corporation - Expenses for transportation, loading and unloading, and yard storage	-	9,265,433,660
<i>Payables to other organizations and individuals</i>	<i>28,985,870,064</i>	<i>5,562,891,743</i>
Expenses for transportation, loading and unloading	24,538,262,808	2,269,994,996
Expenses for tractor truck rental	4,445,720,627	-
Expenses for yard storage	-	3,243,083,758
Interest expenses	1,886,629	22,884,171
Other accrued expenses	-	26,928,818
Total	<u>39,388,605,979</u>	<u>20,400,109,725</u>

14. Other payables**14a. Other short-term payables**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
<i>Accrued expenses to related parties</i>	<i>7,512,631,243</i>	<i>16,460,710,372</i>
Tan Cang Ben Thanh Corporation	-	10,598,617,337
- BCC contribution capital	-	6,000,000,000
- Payable for profit distributed from BCC results	-	4,598,617,337
Tan Cang Pilot One Member Limited Liability Company – Profit distributed from BCC results ⁽ⁱ⁾	7,512,631,243	5,841,093,035
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation - Payable for receipts and payments on behalf	-	21,000,000
<i>Payables to other organizations and individuals</i>	<i>22,546,184,742</i>	<i>14,688,583,215</i>
Trade Union's expenditure	866,260,900	460,315,544
Social insurance premiums, health insurance premiums	910,211,652	807,034,261
Dividends payable	6,343,778,455	6,349,573,989
Short-term deposits received	1,251,806,100	100,000,000
Union One Logistics and Trade Investment JSC. - Profit distributed from BCC results ⁽ⁱ⁾	2,299,656,040	2,299,656,040
Golden Lotus Investment and Service Trading Co., Ltd. - Profit distributed from BCC results ⁽ⁱ⁾	1,114,358,845	-
Payable for container deposit received on behalf	6,220,797,269	2,391,772,510
Other short-term payables	3,539,315,481	2,280,230,871
Total	<u>30,058,815,985</u>	<u>31,149,293,587</u>

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)**14b. Other long-term payables**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
<i>Payables to related parties</i>	20,813,210,000	20,813,210,000
Tan Cang Pilot One Member Limited Liability Company – BCC contribution capital ⁽ⁱⁱ⁾	18,750,000,000	18,750,000,000
Tan Cang Pilot One Member Limited Liability Company - Deposit for office rental	2,000,000,000	2,000,000,000
Tan Cang Information Technology Solutions JSC. - Deposit for office rental	63,210,000	63,210,000
<i>Payables to other organizations and individuals</i>	57,244,860,104	15,318,416,504
BCC contribution capital	14,600,000,000	12,500,000,000
Union One Logistics and Trade Investment JSC. ⁽ⁱ⁾	-	12,500,000,000
Golden Lotus Investment and Service Trading Co., Ltd ⁽ⁱ⁾	12,500,000,000	-
BSL International Co., Ltd. ⁽ⁱⁱ⁾	500,000,000	-
Mr. Nguyen Hoang Cuong ⁽ⁱⁱⁱ⁾	1,600,000,000	-
Deposits received	42,644,860,104	2,818,416,504
Best Trading and Investment Pte. Ltd ⁽ⁱ⁾⁽ⁱⁱ⁾	41,045,249,700	-
<i>Other long-term payables</i>	1,599,610,404	2,818,416,504
Total	<u>77,994,860,104</u>	<u>36,131,626,504</u>

Additional information on Business Cooperation Contracts (“BCCs”):

- (i) According to BCC No. 612/2015/TCL-HT-TT dated 26 October 2015 and the Capital Contribution Transfer Contract dated 10 January 2017 on business cooperation for the implementation of the project "receiving the transfer of land use right and investing in the construction and exploitation of office building" in Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City, three participating parties are as follows: The Company contributes 50%; Tan Cang Pilot One Member Limited Liability Company contributes 30% and Union One Logistics and Trade Investment JSC. (“Union One”) (receiving the transfer from Thu Thiem Construction, Trade and Services Co., Ltd.) contributes 20% of total investment capital of the project. On 20 December 2024, Union One transferred the entire capital contribution to Golden Lotus. The Company is the representative of the BCC, with a contract term of 50 years.
- (ii) According to BCC No. 1812/HDHTKD-TCDN_BSL_NHC dated 18 December 2025, the participating parties are as follows: Dong Nai Newport Logistics JSC., BSL International Co., Ltd. and Mr. Nguyen Hoang Cuong. The parties jointly contribute capital to implement the warehouse exploitation project at Tan Cang Nhon Trach ICD in the form of leasing storage and providing logistics services in accordance with the legal regulations. This contract has a term of 10 years from the date of signing. The revenue and expenses of the joint venture will be agreed upon by the parties in an attached appendix. The form and proportion of capital contribution are as follows:
- Dong Nai Newport Logistics JSC.: VND 3,600,000,000, representing 36% of the total contribution capital.
 - BSL International Co., Ltd: VND 1,500,000,000, representing 15% of the total contribution capital.
 - Mr. Nguyen Hoang Cuong: VND 4,900,000,000, representing 49% of the total contribution capital.
- (iii) Deposits received for refrigerated warehouse rental at Tan Cang Nhon Trach Port, with a 20-year lease term from the date of handover. Up to the present, the warehouse is in the process of construction and has not yet been handed over for lease.

3-00
 TNH
 A TU
 C
 ANH
 OI
 TP.

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

14c. Overdue debts

The Group has no other overdue payables.

15. Borrowings

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Asia Commercial Joint Stock Bank ("ACB") - Head Office – Short-term loans (*)	-	25,000,000,000
Vietnam International Commercial Joint Stock Bank ("VIB") – Saigon Branch - Current portions of long-term loans (*)	1,811,700,252	7,249,712,000
Total	<u>1,811,700,252</u>	<u>32,249,712,000</u>

The Company has solvency to repay loans.

- (*) This represents the loan arising from the Credit Agreement dated 24 January 2018 to invest in the project: "Receiving the transfer of land use right and investing in the construction and exploitation of the office building" at Lot 11, Residential Quarter 1, Thanh My Loi Ward, District 2, Thu Duc City, Ho Chi Minh City. Total amount under Credit Agreement is VND 62,500,000,000 within 18 months starting from the first withdrawal date. The loans are required to be repaid in 28 equal installments for each quarter, starting on the 15th month starting from the first withdrawal date. The floating interest rate are applied as of the disbursement date (the applicable interest rate in 2025 was 7 - 8% per annum). Collateral includes land use right and constructions on the land financed by the loan.

Details of increase/ (decrease) of loans during the year are as follows:

	<u>Short-term loans from banks</u>	<u>Current portions of long-term loans</u>	<u>Long-term loans</u>	<u>Total</u>
Beginning balance	25,000,000,000	7,249,712,000	1,811,700,252	34,061,412,252
Amount of loans incurred	-	-	-	-
Transfer to current portions of long-term loans	-	1,811,700,252	(1,811,700,252)	-
Amount of loans repaid	(25,000,000,000)	(7,249,712,000)	-	(32,249,712,000)
Ending balance	<u>-</u>	<u>1,811,700,252</u>	<u>-</u>	<u>1,811,700,252</u>

16. Bonus and welfare funds

	<u>Bonus fund</u>	<u>Welfare fund</u>	<u>Bonus fund for the Executive Officers</u>	<u>Total</u>
Beginning balance	9,799,165,892	8,756,837,462	-	18,556,003,354
Increase due to appropriation from profit	12,790,695,513	12,433,779,744	767,841,328	25,992,316,585
Increase due to allocation from the Parent Company	26,600,000	-	-	26,600,000
Disbursement in the year	(4,487,300,000)	(8,090,275,920)	(767,841,328)	(13,345,417,248)
Other decreases	(1)	-	-	(1)
Ending balance	<u>18,129,161,404</u>	<u>13,100,341,286</u>	<u>-</u>	<u>31,229,502,690</u>

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

17. Owners' equity

17a. Statement of changes in owners' equity

	Owners' contribution capital	Share premiums	Other funds	Investment and development fund	Retained earnings	Non-controlling interests	Total
Year 2024							
Beginning balance	301,584,360,000	20,712,126,338	1,512,000,000	158,032,370,821	94,553,109,542	22,467,128,404	598,861,095,105
Profit of the year	-	-	-	-	146,060,376,424	167,622,379	146,227,998,803
Dividends declared	-	-	-	-	(70,160,060,957)	(210,034,504)	(70,370,095,461)
Appropriation to funds from profit of 2023	-	-	-	-	(647,589,368)	-	(647,589,368)
Appropriation to funds from profit of 2024	-	-	-	40,912,320,960	(64,313,484,618)	-	(23,401,163,658)
Appropriation to funds from the subsidiary	-	-	-	17,449,514	(26,174,271)	(8,381,119)	(17,105,876)
Ending balance	301,584,360,000	20,712,126,338	1,512,000,000	198,962,141,295	105,466,176,752	22,416,335,160	650,653,139,545
Year 2025							
Beginning balance	301,584,360,000	20,712,126,338	1,512,000,000	198,962,141,295	105,466,176,752	22,416,335,160	650,653,139,545
Profit of the year	-	-	-	-	156,707,173,935	3,497,457,277	160,204,631,212
Dividends declared	-	-	-	-	(71,293,077,254)	(152,278,133)	(71,445,355,387)
Appropriation to funds from profit of 2024	-	-	-	-	(767,841,327)	-	(767,841,327)
Appropriation to funds from profit of 2025	-	-	-	43,343,206,833	(68,210,766,321)	-	(24,867,559,488)
Appropriation to funds from the subsidiary	-	-	-	364,085,810	(546,128,715)	(174,872,864)	(356,915,769)
Ending balance	301,584,360,000	20,712,126,338	1,512,000,000	242,669,433,938	121,355,537,070	25,586,641,440	713,420,098,786

17b. Details of owners' contribution capital

	Ending balance	Beginning balance
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation	153,812,730,000	153,812,730,000
Other shareholders	147,771,630,000	147,771,630,000
Total	301,584,360,000	301,584,360,000

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

17c. Shares

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Number of ordinary shares registered to be issued	30,158,436	30,158,436
Number of ordinary shares already issued	30,158,436	30,158,436
Number of ordinary shares repurchased	-	-
Number of ordinary outstanding shares	30,158,436	30,158,436
Face value per outstanding share: VND 10,000.		

17d. Profit distribution

During the year, the Group distributed profit in accordance with the Resolution of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders as follows:

	<u>Parent Company</u>	<u>Subsidiary</u>
Distribution of profit after tax of 2024		
✓ Dividends declared to shareholders	71,293,077,254	310,799,890
✓ Appropriation to the Executive Officers' bonus fund	767,841,328	-
✓ Reduction in the appropriation to bonus and welfare funds	(1)	-
Temporary distribution of profit after tax of 2025		
✓ Appropriation to investment and development fund	43,343,206,833	713,831,538
✓ Appropriation to bonus and welfare funds	24,867,559,488	356,915,769

18. Off-Consolidated Balance Sheet items

As of the balance sheet date, cash and cash equivalents included USD 1,536,702.88 (the beginning balance was USD 65.34).

VI. ADDITIONAL INFORMATION ON THE ITEMS OF THE CONSOLIDATED INCOME STATEMENT

1. Revenue from sales of merchandise and rendering of services

1a. Gross revenue

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Revenue from transportation, loading and unloading services	355,091,366,039	296,386,123,479
Revenue from depot services	1,427,767,889,964	1,264,271,175,532
Revenue from other services	64,714,212,153	70,526,321,045
Total	<u>1,847,573,468,156</u>	<u>1,631,183,620,056</u>

1b. Revenue from sales of merchandise and rendering of services to related parties

Besides transactions of rendering of services to the associates as presented in Note V.2b, the Group also has transactions of rendering of services to related parties which are not the associates, as follows:

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation	803,327,907,540	814,562,433,109
Tan Cang Warehousing JSC.	3,242,920,262	3,506,759,677
Tan Cang Overland Transport JSC.	9,510,223,184	8,008,127,887
Tan Cang Waterway Transport JSC.	1,611,796,312	1,908,271,778

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Phu Huu – Newport Corporation	763,296,500	705,011,723
Tan Cang Information Technology Solutions JSC.	307,352,500	526,662,500
Tan Cang Hiep Luc JSC.	214,731,000	250,535,600
Tan Cang Hiep Phuoc Port JSC.	1,524,075,000	3,317,111,704
Tan Cang – Cai Mep International Terminal Co., Ltd.	1,176,670,000	54,581,091
Tan Cang Container Services JSC.	1,748,921,186	1,065,728,151
Cat Lai Logistics JSC.	-	9,630,000
Cat Lai Port International Logistics JSC.	-	114,400,000
Tan Cang Pilot One Member LLC	5,315,920,065	5,309,995,446
Tan Cang Maritime Services JSC.	23,415,074	29,489,000
Binh Duong - Newport Logistics JSC.	20,327,778	2,564,978,519
Tan Cang - Cai Mep Thi Vai One Member LLC	17,589,157,256	-
2. Costs of sales		
This represents the cost of services rendered in the year.		
3. Financial income		
	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Interest income from term deposits at banks	10,212,689,088	6,716,886,663
Interest income from demand deposits at banks	87,324,991	23,944,430
Dividends and profit received	4,371,811,200	4,764,871,500
Exchange gain due to the revaluation of monetary items in foreign currencies	-	81,021
Total	<u>14,671,825,279</u>	<u>11,505,783,614</u>
4. Selling expenses		
	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Service commission expenses	27,376,849,376	24,134,310,883
Expenses for external services	3,237,656,050	3,616,642,388
Other expenses	2,076,856,731	2,839,953,300
Total	<u>32,691,362,157</u>	<u>30,590,906,571</u>
5. General and administration expenses		
	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Labor costs	42,570,251,099	40,702,590,278
Materials, supplies	69,134,417	74,346,597
Office supplies	1,242,145,629	878,880,068
Depreciation/amortization of fixed assets	722,757,858	745,709,423
Taxes, fees and legal fees	830,657,951	413,071,027
Allowance for doubtful debts	84,380,000	103,708,462
Expenses for external services	9,371,255,529	8,628,565,951
Other expenses	21,845,416,624	22,053,064,628
Total	<u>76,735,999,107</u>	<u>73,599,936,434</u>

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)**6. Earnings per share (“EPS”)****6a. Basic/Diluted EPS**

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Accounting profit after corporate income tax of the Parent Company’s shareholders	156,707,173,935	146,060,376,424
Appropriation to bonus and welfare funds, and the Executive Officers’ bonus fund of the Parent Company	(24,867,559,488)	(24,169,004,985)
Appropriation to bonus and welfare funds, and the Executive Officers’ bonus fund in the subsidiary	(182,042,905)	(8,724,757)
Profit used to calculate basic/diluted EPS	<u>131,657,571,542</u>	<u>121,882,646,682</u>
Average number of ordinary shares outstanding during the year	<u>30,158,436</u>	<u>30,158,436</u>
Basic/diluted EPS	<u>4,366</u>	<u>4,041</u>

The basic EPS of the previous year was recalculated, decreasing from VND 4,067 to VND 4,041, due to the the deduction of the appropriation to the bonus fund, welfare fund, and the Executive Officers’ bonus fund in accordance with the Resolution of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders.

For the purpose of presenting the “Basic EPS” item of the current year, the bonus and welfare funds are provisionally calculated in accordance with the Resolution of 2025 Annual General Meeting of Shareholders.

6b. Other information

There have not been any transactions of ordinary shares or potential transactions of ordinary shares from the balance sheet date to the disclosure date of these Consolidated Financial Statements.

7. Operating costs by factors

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Materials and supplies	56,028,166,090	63,189,468,949
Labor costs	131,103,017,519	126,375,904,359
Depreciation/amortization of fixed assets (*)	27,827,218,675	29,628,242,220
Expenses for external services	1,446,044,340,989	1,232,674,954,969
Other expenses	37,922,132,427	35,059,950,410
Total	<u>1,698,924,875,700</u>	<u>1,486,928,520,907</u>
(*) Total depreciation expenses during the year (see Notes V.8, V.9)	29,478,278,455	31,082,480,064
Depreciation expenses allocated to BCC’s party	(1,651,059,780)	(1,454,237,844)
Depreciation expenses of the Group	<u>27,827,218,675</u>	<u>29,628,242,220</u>

VII. OTHER DISCLOSURES**1. Operating lease commitments****The Group as a lessee**

Lessor	Location	Term
Quang Minh Investment Construction Transport JSC.	16,069.2 m ² in Cat Lai Industrial Park	From 1 November 2023 to 31 December 2028
Tincons Co., Ltd.	39,048 m ² in Di An Ward, Ho Chi Minh City	From 5 September 2023 to 12 February 2029

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

The total minimum lease payment in the future for irrevocable leasing agreements will be settled as follows:

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Within 1 year	32,832,091,542	49,064,725,466
Over 1 year to 5 years	76,551,008,686	93,436,306,136
Over 5 years	-	-
Total	<u>109,383,100,228</u>	<u>142,501,031,602</u>

2. Transactions and balances with the related parties

The related parties of the Group include: the key management personnel, the key management personnel's related individuals, and other related parties.

2a. Transactions and balances with the key management personnel and their related individuals

The key management personnel include the members of the Board of Directors ("BOD"), Board of Supervisors ("BOS") and the Executive Officers (the Board of Management ("BOM") and the Chief Accountant). The key management personnel's related individuals are their close family members.

The Group has no transactions or outstanding balances with the key management personnel and their related individuals.

Compensation of the key management personnel

		<u>Salary, allowances</u>	<u>Executive Officers' bonus fund</u>	<u>Remuneration</u>	<u>Total compensation</u>
<i>Current year</i>					
Mr. Vu Ngoc Huong	Chairman (from 4 April 2025)	547,835,852	-	-	547,835,852
Mr. Le Hoang Linh	Chairman (to 4 April 2025)	1,017,740,898	105,389,986	-	1,123,130,885
Mr. Le Van Cuong	BOD Member cum Director	1,362,312,746	99,367,701	60,000,000	1,521,680,448
Mr. Hoang Duc Thinh	BOD Member	-	60,222,849	60,000,000	120,222,849
Mr. Pham Trung Nghi	BOD Member	-	60,222,849	60,000,000	120,222,849
Mr. Ngo Ngoc Khanh	BOD Member cum Deputy Director	863,076,290	60,222,849	60,000,000	983,299,139
Mr. Pham Van Phuong	Head of BOS	-	60,222,849	60,000,000	120,222,849
Mr. Tran Van Truong	BOS Member	583,483,836	48,178,279	30,000,000	661,662,115
Ms. Nguyen Thi Huyen	BOS Member (from 17 June 2025)	-	-	15,000,000	15,000,000
Ms. Le Thi Kim Chung	BOS Member (to 17 June 2025)	-	48,178,279	15,000,000	63,178,279
Mr. Chau Thanh Hai	Deputy Director	1,373,350,377	60,222,849	-	1,433,573,227
Mr. Nguyen Van Hoa	Deputy Director	857,085,931	60,222,849	-	917,308,780
Ms. Pham Thi Thu Ha	Chief Accountant	795,421,368	60,222,849	-	855,644,218
Total		<u>7,400,307,299</u>	<u>722,674,191</u>	<u>360,000,000</u>	<u>8,482,981,490</u>
<i>Previous year</i>					
Mr. Le Hoang Linh	Chairman	1,362,950,615	87,175,492	18,000,000	1,468,126,107
Mr. Le Van Cuong	BOD Member cum Director	1,290,853,186	82,194,035	60,000,000	1,433,047,221
Mr. Hoang Duc Thinh	BOD Member	-	49,814,567	60,000,000	109,814,567

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

		Salary, allowances	Executive Officers' bonus fund	Remuneration	Total compensation
Mr. Pham Trung Nghi	BOD Member	-	49,814,567	60,000,000	109,814,567
Mr. Ngo Ngoc Khanh	BOD Member cum Deputy Director	420,276,773	49,814,567	60,000,000	530,091,340
Mr. Pham Van Phuong	Head of BOS	-	49,814,567	60,000,000	109,814,567
Mr. Tran Van Truong	BOS Member	605,790,504	39,851,653	30,000,000	675,642,157
Ms. Le Thi Kim Chung	BOS Member	-	39,851,653	30,000,000	69,851,653
Mr. Dang Thanh Son	Deputy Director	825,746,821	49,814,567	23,096,774	898,658,162
Mr. Chau Thanh Hai	Deputy Director	1,254,860,269	49,814,567	18,000,000	1,322,674,836
Mr. Nguyen Van Hoa	Deputy Director	842,590,269	49,814,567	-	892,404,836
Ms. Pham Thi Thu Ha	Chief Accountant	749,254,932	49,814,567	38,400,000	837,469,499
Total		7,352,323,370	647,589,369	457,496,774	8,457,409,513

2b. Transactions and balances with the related parties

Other related parties of the Group during the year include:

Name	Relationship
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation ("SNP")	Parent Company
Hai Phong – 128 Tan Cang Joint Stock Company	Associate
Tan Cang Ben Thanh Corporation	Associate
Cat Lai – Eastern Sai Gon Joint Stock Company	Associate
Tan Cang Construction Joint Stock Company	Entity within the same Group of SNP
ICD Tan Cang Song Than Joint Stock Company	Entity within the same Group of SNP
Tan Cang Warehousing Joint Stock Company	Entity within the same Group of SNP
ICD Tan Cang - Long Binh Joint Stock Company	Entity within the same Group of SNP
Tan Cang Overland Transport Joint Stock Company	Entity within the same Group of SNP
Tan Cang Waterway Transport Joint Stock Company	Entity within the same Group of SNP
Tan Cang Technical Services Joint Stock Company	Entity within the same Group of SNP
Tan Cang - Cai Mep Joint Stock Company	Entity within the same Group of SNP
Tan Cang Information Technology Solutions Joint Stock Company	Entity within the same Group of SNP
Tan Cang Hiep Phuoc Port Joint Stock Company	Entity within the same Group of SNP
Tan Cang - STC Human Resource Development Co., Ltd.	Entity within the same Group of SNP
Phu Huu – Newport Corporation	Entity within the same Group of SNP
Tan Cang Hiep Luc Joint Stock Company	Entity within the same Group of SNP
Cat Lai Port Joint Stock Company	Entity within the same Group of SNP
SITC Newport Logistics Co., Ltd.	Entity within the same Group of SNP
Tan Cang Container Services Joint Stock Company	Entity within the same Group of SNP
Tan Cang - Tay Ninh Joint Stock Company	Entity within the same Group of SNP
Tan Cang HMM Logistics Co., Ltd.	Entity within the same Group of SNP
Tan Cang Offshore Travel and Flight Services Joint Stock Company	Entity within the same Group of SNP
Tan Cang Shipping Warehouse Service Company Limited	Entity within the same Group of SNP
Tan Cang Pilot One Member Limited Liability Company	Entity within the same Group of SNP

Transactions with other related parties

Apart from transactions with the associates as presented in Note V.2 as well as transactions of sales of merchandise and rendering of services to other related parties which are not the associates as presented in Note VI.1b, the Group also has other significant transactions with other related parties as follows:

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation		
Using services rendered by the Parent Company	24,967,047,262	14,795,073,951
Dividends payable to the Parent Company	36,360,581,970	35,782,725,977
Cat Lai Port JSC.		
Dividends received	3,304,125,000	3,217,500,000
Using services rendered by the related parties		
Tan Cang Overland Transport JSC.	506,188,180	264,627,000
Tan Cang Waterway Transport JSC.	915,894,000	3,841,429,000
Tan Cang Technical Services JSC.	42,781,971,216	53,474,467,440
Tan Cang Information Technology Solutions JSC.	4,025,415,103	139,580,000
Tan Cang - STC Human Resource Development Co., Ltd.	459,127,556	341,434,049
Tan Cang HMM Logistics JSC.	60,787,038	31,870,365
Binh Duong Newport Logistics JSC.	-	128,264,815
Tan Cang - Tay Ninh JSC.	-	148,605,000
Phu Huu – Newport Corporation	212,622,000	229,156,000
Tan Cang Hiep Phuoc Logistics JSC.	59,294,400	138,848,600
Tan Cang Warehousing JSC.	653,568,518	443,731,750
Tan Cang Shipping Warehouse Service Co., Ltd.	-	861,111
Tan Cang Container Services JSC.	51,020,167,675	37,452,132,109
Tan Cang Hiep Luc JSC.	103,506,300	100,395,500
Tan Cang Offshore Travel and Flight Services JSC.	536,145,779	568,209,332

Outstanding balances with other related parties are presented in Notes V.3, V.5a, V.11, V.13 and V.14.

Receivables from other related parties are unsecured and will be paid in cash. No allowance has been made for the receivables from other related parties.

3. Segment information

The Group only operates in the field of providing transportation, forwarding, stevedoring services in the area of Cat Lai Port, in the Vietnamese territory. Therefore, the Group does not present the segment reporting by business segment or geographical segment.

4. Subsequent events

There have been no material events after the balance sheet date, which require to make adjustments on the figures or to be disclosed in the Consolidated Financial Statements.

Prepared on 6 March 2026

Prepared by



Nguyen Xuan Tan

Chief Accountant



Pham Thi Thu Ha

Director



Le Van Cuong